

CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

Tháng 6 năm 2023

Hạ lãi suất tác động tích cực đến thị trường chứng khoán

Nguyễn Thị Hòa, hoant@acbs.com.vn

Nền kinh tế của Việt Nam vẫn duy trì ổn định với lạm phát đang chậm lại, CPI tháng Năm tăng 2,43% so với cùng kỳ và CPI bình quân 5T2023 tăng 3,55%, thấp hơn mức tăng của tháng trước, lãi suất giảm và tỷ giá USD/VND tăng nhẹ 0,13% so với tháng trước, vốn FDI giải ngân tăng 18% so với tháng trước và ngoại thương vẫn duy trì thặng dư với mức xuất siêu 9,8 tỷ USD trong 5T2023, khá cao so với cùng kỳ các năm trước. Tổng doanh số bán lẻ tăng 11,5% so với cùng kỳ nhờ lượng khách du lịch trong nước và quốc tế duy trì đã tăng sau khi biên giới mở cửa trở lại cho du khách quốc tế từ tháng 3 năm 2022 và kỳ nghỉ lễ dài vào đầu tháng Năm. Tuy nhiên, sản xuất công nghiệp vẫn còn yếu với chỉ số IIP tháng Năm tăng 2,2% so với tháng trước và tăng 0,1% so với cùng kỳ nhưng chỉ số PMI tiếp tục giảm xuống 45,3 điểm, kim ngạch xuất nhập khẩu tăng chậm do nhu cầu yếu và nguồn vốn cho sản xuất kinh doanh bị hạn chế do lãi suất cao, đầu tư công còn chậm với tổng vốn giải ngân trong 5T2023 chỉ hoàn thành 25,5% kế hoạch năm.

VNIndex hồi phục lên 1.075 điểm vào cuối tháng Năm sau khi mất 1,5% trong tháng Tư nhưng vẫn chưa vượt qua đỉnh 1.124 điểm kể từ đầu năm 2023. Thanh khoản chung của VNIndex tiếp tục cải thiện với giá trị giao dịch bình quân (ADTV) tăng 9,7% so với tháng Tư nhưng vẫn thấp so với cùng kỳ năm trước (ADTV giảm 53,8% so với cùng kỳ). Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng tháng thứ hai liên tiếp, kéo giá trị mua ròng lũy kể từ đầu năm 2023 xuống chỉ còn 2,5 triệu USD trong bối cảnh thị trường chứng khoán toàn cầu trầm lắng khi thời hạn nợ của Mỹ sắp đến và nước Đức, nền kinh tế lớn nhất châu Âu, đã công bố chỉ số GDP điều chỉnh của quý I/2023 cho thấy nền kinh tế này bước vào suy thoái về mặt kỹ thuật do giá cả cao và tiêu dùng yếu. Trong khi lãi suất thế giới tiếp tục ở mức cao thì trong nước, VNIndex được hỗ trợ bởi việc Ngân hàng Nhà nước hạ lãi suất điều hành lần thứ ba trong năm để hỗ trợ doanh nghiệp và tiêu dùng và việc Quy hoạch điện VIII đã được thông qua vào ngày 15/5/2023 sau hơn hai năm bị hoãn.

P/E của VNIndex cuối tháng Năm ở mức 14,6, cao hơn mức trung bình 15,2 của các thị trường khu vực ASEAN nhưng khoảng cách P/E của VNIndex và trung bình ASEAN đang được thu hẹp sau khi VNIndex hồi phục trong tháng Năm. So với các thị trường khác trong danh sách theo dõi của chúng tôi, định giá của VNIndex vẫn đủ hấp dẫn để nhà đầu tư tích lũy cổ phiếu ở mức giá hợp lý. Chúng tôi kỳ vọng một số quy định quan trọng sẽ được xem xét tại kỳ họp Quốc hội tháng Năm này sẽ tác động tích cực đến đầu tư công và các lĩnh vực như bất động sản, xây dựng, y tế, cung ứng vật liệu. Việc NHNN hạ lãi suất cơ bản ba lần kể từ đầu năm có thể tạo hiệu ứng tích cực cho thị trường chứng khoán nhờ kỳ vọng dòng tiền nhàn rỗi sẽ chuyển dịch sang thị trường chứng khoán khi lãi suất huy động giảm, lãi suất thấp cũng có thể cải thiện lợi nhuận của các công ty sử dụng nhiều nợ và thúc đẩy việc mở rộng kinh doanh nhờ tăng cường vay vốn để nắm bắt cơ hội trong bối cảnh nhu cầu yếu từ cả thị trường bên trong và bên ngoài. Lo ngại của nhà đầu tư hiện nay không chỉ đến từ bên ngoài với nỗi lo suy thoái do giá cả tăng cao kéo dài, bất ổn địa chính trị thế giới và sự dịch chuyển của dòng vốn đầu tư nước ngoài, mà còn từ bên trong với tình trạng thiếu điện làm gián đoạn hoạt động sản xuất và kinh doanh, đồng thời rủi ro ngắn hạn trên thị trường trái phiếu vẫn còn do lượng lớn trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn vào quý II/2023 và quý III/2023, tuy nhiên áp lực này đang giảm dần sau khi nhiều ngân hàng đã mua lại lượng lớn trái phiếu sau khi thông tư 03/2023/TT-NHNN được ban hành.

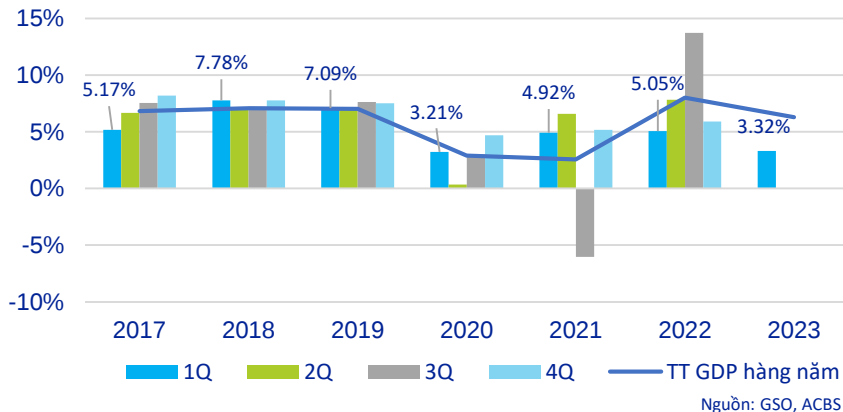
1. Kinh tế vĩ mô
2. Thị trường vốn
3. Chủ đề thời sự
4. Tóm tắt ngành



- ❖ Giá xăng giảm khoảng 9,1% và giá dầu diesel giảm 7,4% trong tháng 05/2023.
- ❖ Chính phủ và Bộ Công Thương chấp thuận tăng giá điện thêm 3% từ ngày 04/05/2023, kết thúc bốn năm giữ nguyên giá điện.
- ❖ Cục Phòng vệ Thương mại Việt Nam (TRAV), thuộc Bộ Công Thương, đã mở cuộc điều tra chống bán phá giá đối với dây thép dự ứng lực sản xuất từ Trung Quốc, Thái Lan và Malaysia, bắt đầu từ ngày 20/04/2023 và sẽ hoàn thành trong vòng 45 ngày.
- ❖ Apple đã khai trương cửa hàng trực tuyến đầu tiên tại Việt Nam vào ngày 18/05/2023 để thúc đẩy tăng trưởng tại các thị trường mới nổi trong bối cảnh doanh số bán hàng tại Trung Quốc đang chậm lại.
- ❖ Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định phê duyệt Đề án phát triển điện lực quốc gia giai đoạn 2021-2030 có xét đến năm 2050 (Quy hoạch điện lực VIII) ngày 15/05/2023.
- ❖ Bộ Công Thương đã phê duyệt giá bán điện tạm thời cho 15 nhà máy điện gió và điện mặt trời với tổng công suất 1.200 MW, bao gồm 3 nhà máy điện mặt trời, 7 nhà máy điện gió trên bờ và 5 nhà máy điện gió ngoài khơi tại thời điểm ngày 26/5. Công ty Mua bán điện (EVNEPTC) đã hoàn tất đàm phán và ký hợp đồng mua bán điện lần đầu (PPA) với 40/40 nhà đầu tư đề xuất mức giá tạm tính bằng 50% khung giá trần.
- ❖ Ngân hàng Nhà nước (NHNN) hạ các lãi suất điều hành, trong đó, lãi suất tái cấp vốn giảm từ 5,5% xuống 5%, lãi suất thanh toán điện từ liên ngân hàng qua đêm và lãi suất cho vay bù đắp thiếu hụt vốn liên quan đến thanh toán bù trừ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đối với các tổ chức tín dụng giảm từ 6% xuống 5,5%, lãi suất tiền gửi tối đa bằng VND của tổ chức, cá nhân tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng giảm xuống 5% từ 5,5%, lãi suất tối đa tiền gửi VND tại Quỹ tín dụng nhân dân và tổ chức tài chính vi mô giảm xuống 5,5% từ 6,0% áp dụng từ ngày 25/5/2023.
- ❖ Bộ Thương mại Hoa Kỳ (DOC) mở rộng điều tra hành vi lẩn tránh thuế phòng vệ thương mại đối với hai sản phẩm của Việt Nam gồm sản phẩm ván ép Việt Nam làm từ nguyên liệu gỗ cứng nhập khẩu (sẽ có kết luận vào ngày 14/07/2023) và pin năng lượng mặt trời của Việt Nam (kết luận sẽ được công bố vào ngày 17/08/2023)
- ❖ Ủy ban châu Âu (EC) hoãn chuyến thăm Việt Nam để kiểm tra các nỗ lực của nước này trong việc chống đánh bắt bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) cho đến tháng Mười, thay vì cuối tháng Năm như thông báo ban đầu.
- ❖ Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) thông báo giữ nguyên lãi suất cho vay cơ bản (LPR) ổn định tháng thứ chín liên tiếp kể từ ngày 22/05/2023.

Tăng trưởng GDP chậm lại trong bối cảnh kinh tế toàn cầu gặp khó khăn

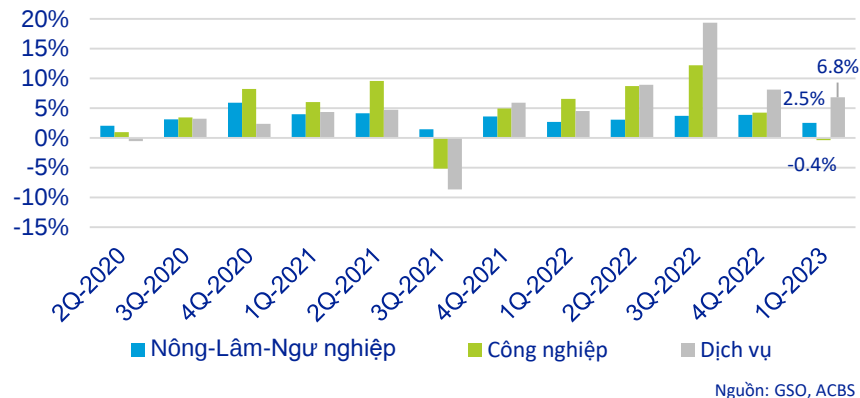
Tăng trưởng GDP theo quý



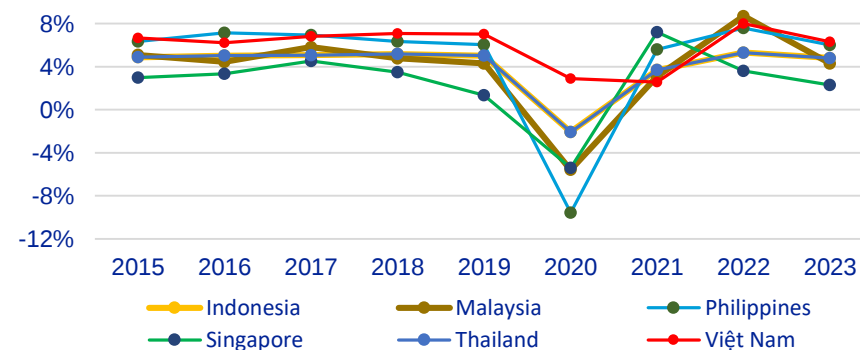
❖ GDP quý I/2023 của Việt Nam chậm lại với mức tăng trưởng 3,32% so với cùng kỳ, là mức tăng trưởng quý I thấp thứ hai kể từ năm 2010 và giảm 14,2% so với quý IV/2022 trong bối cảnh kinh tế toàn cầu gặp nhiều khó khăn, dẫn đầu là tăng trưởng của ngành dịch vụ (+6,79% y/y, cao hơn mức trung bình 5,76% y/y của quý I trong giai đoạn 2016 - 2022) nhờ Việt Nam mở cửa lại biên giới từ tháng 3/2022 thúc đẩy sự phục hồi của ngành dịch vụ nhưng hoạt động xuất khẩu rơi vào tình trạng suy thoái do nhu cầu yếu từ các đối tác thương mại lớn.

❖ Về GDP theo chi tiêu, Tiêu dùng cuối cùng tăng 3,01% (Quý 1 năm 2022 tăng 4,28%), Tích lũy tài sản tăng 0,02% (Quý I/2022 tăng 3,22%), Xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 8,33% và Nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ giảm 10,52 %.

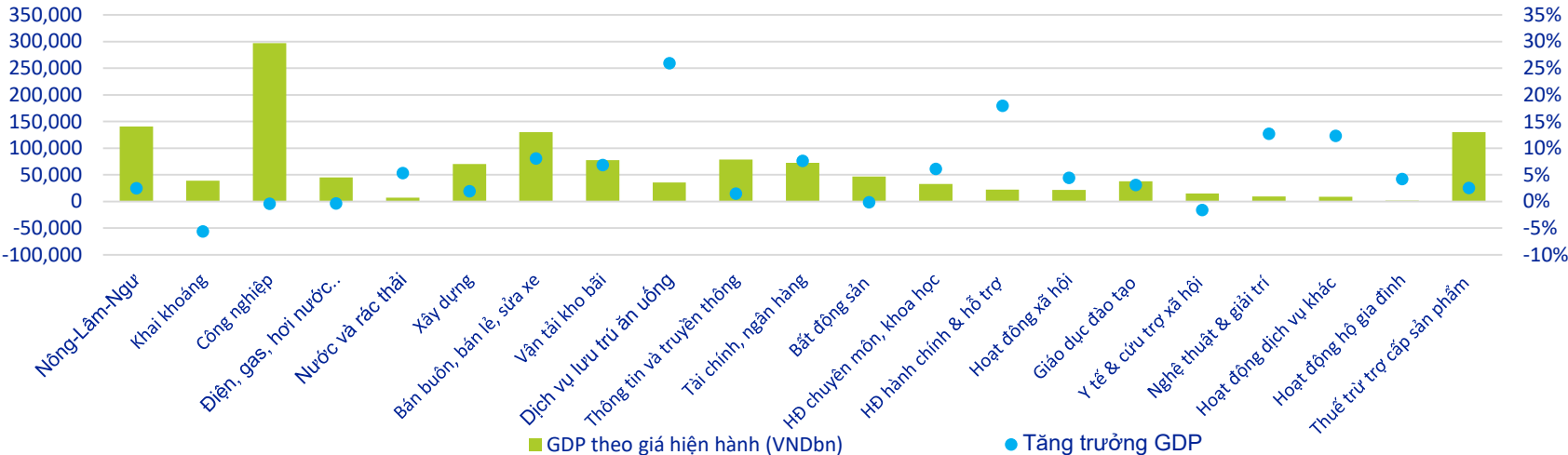
Tăng trưởng GDP theo ngành



Tăng trưởng GDP Việt Nam và khu vực



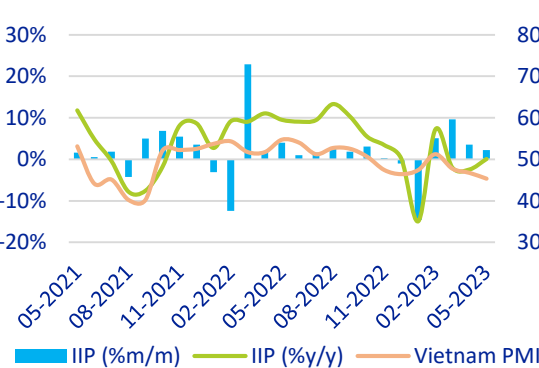
GDP theo ngành trong 1Q2023



Nguồn: GSO, ACBS

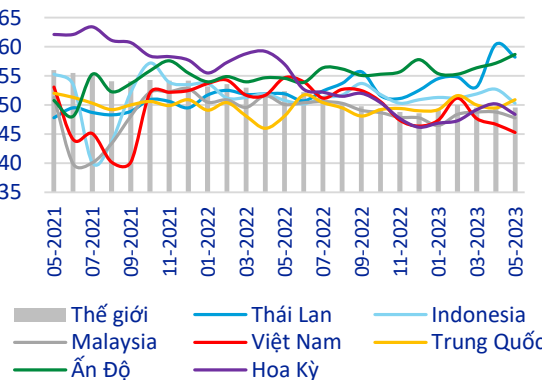
- ❖ Tăng trưởng GDP quý I/2023 được dẫn dắt bởi tăng trưởng của khu vực dịch vụ (+6,79% so với cùng kỳ, cao hơn mức bình quân 5,76% so với cùng kỳ của quý I trong giai đoạn 2016 - 2022), trong đó Bán buôn & bán lẻ tăng 8,09%, Dịch vụ lưu trú & ăn uống tăng 25,98%, Tài chính, Ngân hàng & Bảo hiểm tăng 7,65%. Hoạt động y tế công cộng và công tác xã hội, là tiểu ngành dịch vụ duy nhất suy giảm trong quý I, giảm quý thứ ba liên tiếp (-1,56% so với cùng kỳ). Nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn duy trì tăng trưởng ổn định ở mức 2,52%.
- ❖ Đóng góp tăng trưởng âm nhiều nhất vào tăng trưởng GDP quý I là ngành công nghiệp (-0,82% so với cùng kỳ), trong đó ngành khai khoáng giảm 5,6% do khai thác than và sản xuất dầu thô giảm, ngành chế biến chế tạo giảm 0,37% so với cùng kỳ khi xuất khẩu trầm lắng do nhu cầu của các đối tác thương mại lớn yếu đi, kéo theo ngành sản xuất và phân phối điện cũng giảm theo. Ngành xây dựng tăng trưởng 1,95% so với cùng kỳ, mức tăng trưởng thấp nhất của quý I trong giai đoạn 2013-2022.

Chỉ số IIP và PMI của Việt Nam



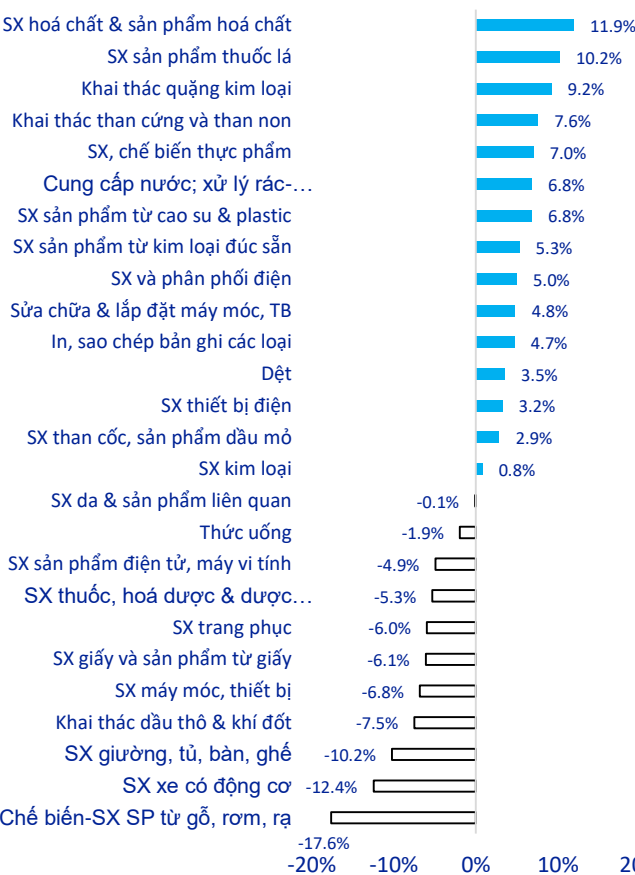
Nguồn: GSO, IHS Markit, ACBS

Chỉ số PMI Việt Nam và các nước



Nguồn: Bloomberg, IHS Markit, ACBS

Chỉ số IIP tháng 05/2023 theo ngành



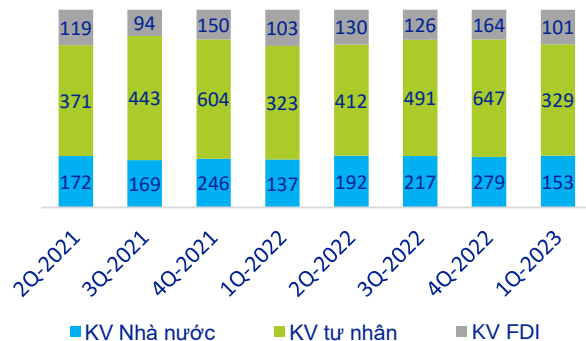
Nguồn: GSO, ACBS

- ❖ Sản xuất công nghiệp vẫn tăng chậm với IIP chỉ tăng 2,2% so với tháng trước và 0,1% so với cùng kỳ trong tháng Năm. Trong 5 tháng đầu năm, IIP giảm 2% so với cùng kỳ năm 2022 do ngành khai khoáng và khai thác đá (-3,6%) và ngành sản xuất (-2,5%) giảm trong khi ngành Sản xuất & cung cấp điện (+0,8%) và ngành khai khoáng, xử lý và cung cấp nước (+6,3%) phục hồi so với năm ngoái.
- ❖ Số lượng lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/05/2023 tăng 0,8% so với tháng trước và giảm 4,8% so với cùng kỳ, trong đó lao động tại các doanh nghiệp FDI giảm mạnh nhất (-5,9% so với cùng kỳ).
- ❖ Chỉ số PMI tiếp tục giảm xuống 45,3 điểm, thấp nhất kể từ tháng 09/2021 do sản lượng và số lượng đơn đặt hàng mới giảm mạnh trong khi việc làm và sức mua giảm. PMI toàn cầu không thay đổi trong tháng thứ hai liên tiếp ở mức 49,6 trong khi PMI của ASEAN, Eurozone, EU giảm trong tháng Năm. Một số nền kinh tế ghi nhận chỉ số PMI tăng tháng thứ hai liên tiếp là Ấn Độ (58,7), Nhật Bản (50,6), Hàn Quốc (48,4).

Tổng vốn đầu tư xã hội

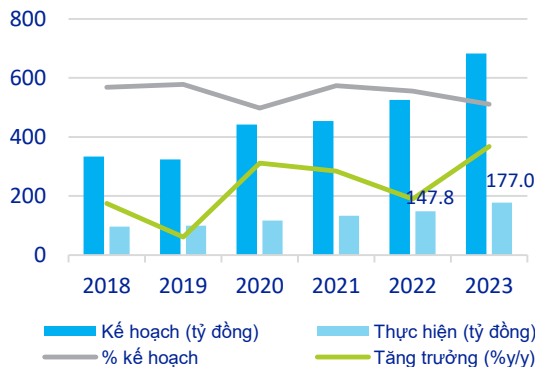
Tổng vốn đầu tư xã hội

Đơn vị: Nghìn tỷ đồng



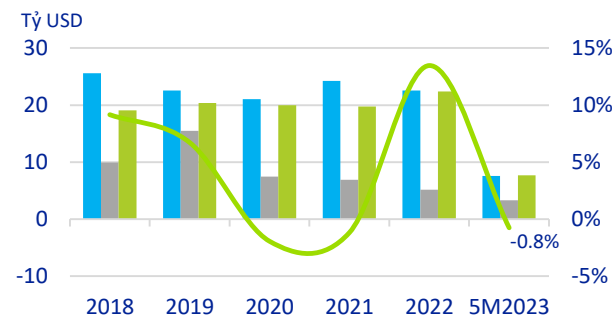
Nguồn: GSO, ACBS

Đầu tư công trong 5 tháng



Nguồn: GSO, ACBS

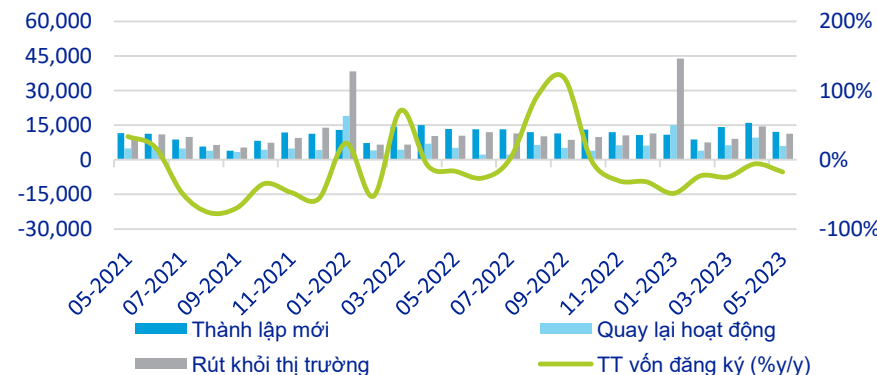
FDI theo năm



Nguồn: MPI, ACBS

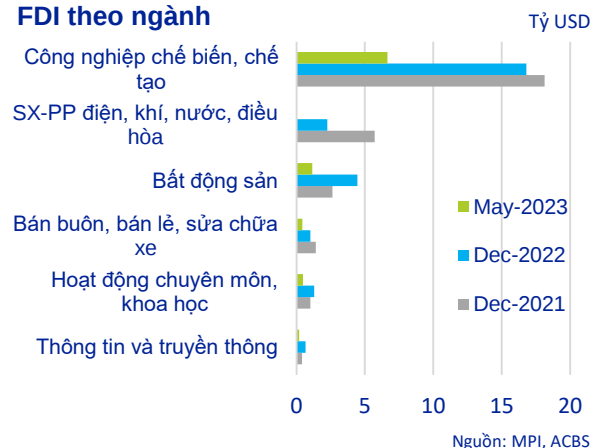
- Tổng vốn đầu tư quý I/2023 tăng 3,7% y/y, đạt 583 nghìn tỷ đồng, thấp hơn bình quân 7.7% của quý I trong giai đoạn 2017-2022. Trong đó, khu vực ngoài nhà nước (+1,8%) tiếp tục giữ vai trò chủ đạo khi đóng góp 56,4%, khu vực FDI (-1,1%) tăng tỷ trọng đóng góp lên 17,4% và khu vực Nhà nước (+11,5%) đóng góp 26,2%.
- Giải ngân vốn đầu tư công được cải thiện nhưng vẫn chậm hơn kỳ vọng với số vốn giải ngân đạt 45,1 nghìn tỷ đồng trong tháng Năm (+12,7% m/m, +18,2% y/y) và 177 nghìn tỷ đồng trong 5T2023 (+18,4%), hoàn thành 25,5% kế hoạch giao. Nhiều dự án gặp khó khăn do đội vốn, thiếu vật liệu đắp đường, chậm giải phóng mặt bằng.
- Doanh nghiệp thành lập mới giảm 9,8% y/y với 12 nghìn doanh nghiệp, tổng vốn đăng ký giảm 17,5% y/y. Tính chung 5 tháng, số doanh nghiệp đăng ký mới giảm 1,6%, số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động giảm 7,4%, trong khi số doanh nghiệp rút khỏi thị trường tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước.

Tình hình hoạt động của doanh nghiệp

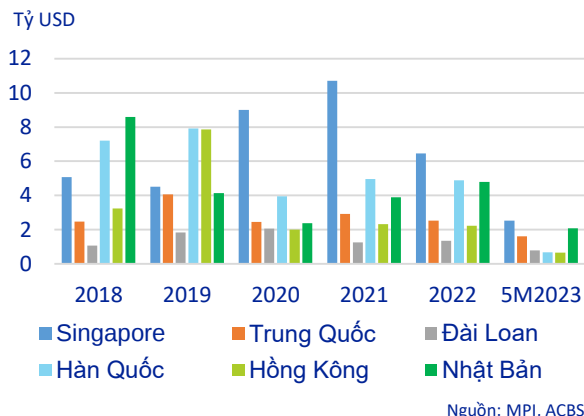


Nguồn: GSO, ACBS

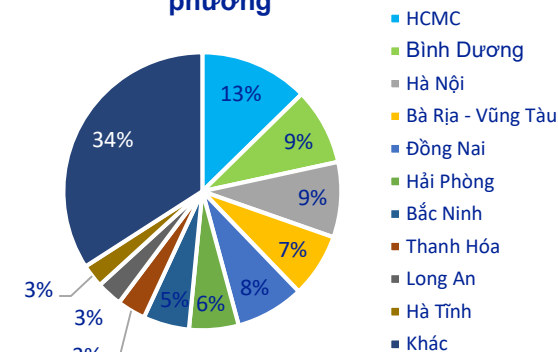
FDI theo ngành



Các đối tác FDI lớn

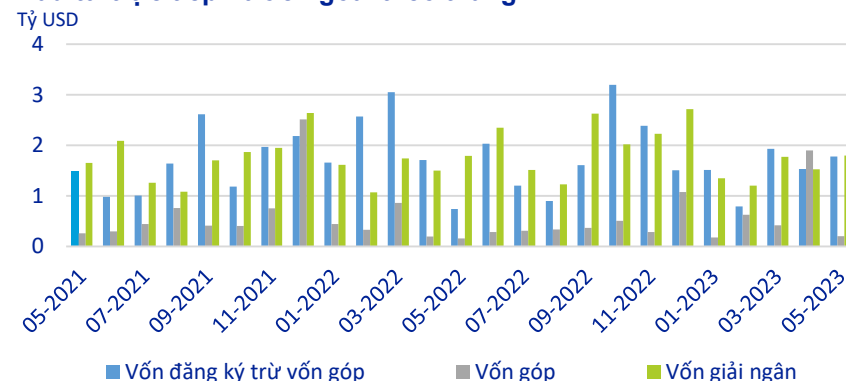


FDI lũy kế đến tháng 5/2023 theo địa phương



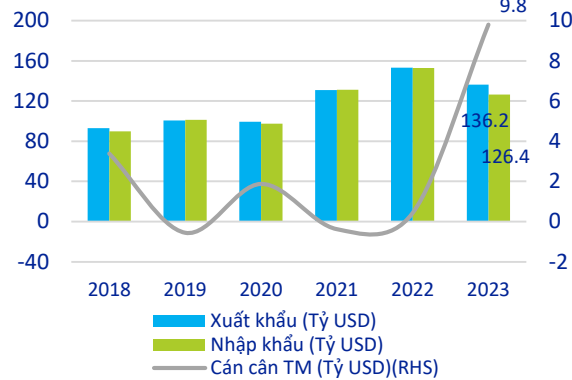
- Vốn giải ngân trong tháng Năm tăng lên 1,8 tỷ USD (+18% m/m, +0.6% y/y) và đạt 7,65 tỷ USD trong 5T2023 (-0,8%).
- Vốn đăng ký trong tháng Năm được ghi nhận là 1,98 tỷ USD (-42% m/m, +120% y/y) và đạt 10,86 tỷ USD trong 5T2023 (-7,3%). Trong khi đó, số lượng dự án mới trong 5T2023 tăng 66% y/y do quy mô của các dự án đăng ký mới nhỏ hơn các năm trước. Việt Nam đang cân nhắc chính sách để ứng phó với mức thuế suất tối thiểu toàn cầu 15% vốn đang là mối quan tâm lớn của các nhà đầu tư nước ngoài.
- Singapore tiếp tục là đối tác lớn nhất trong 5 tháng đầu năm 2023, tiếp theo là Nhật Bản, Trung Quốc, Đài Loan, Hàn Quốc và Hồng Kông.

Đầu tư trực tiếp nước ngoài theo tháng



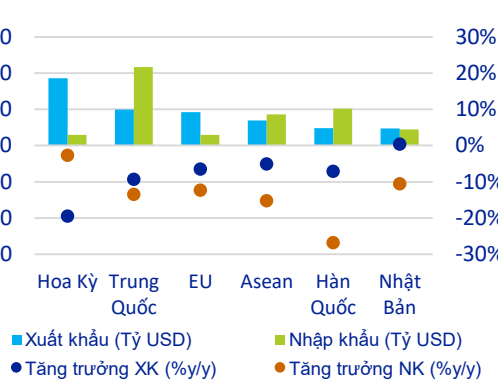
Xuất nhập khẩu còn yếu nhưng vẫn duy trì thặng dư

Xuất nhập khẩu trong 5 tháng



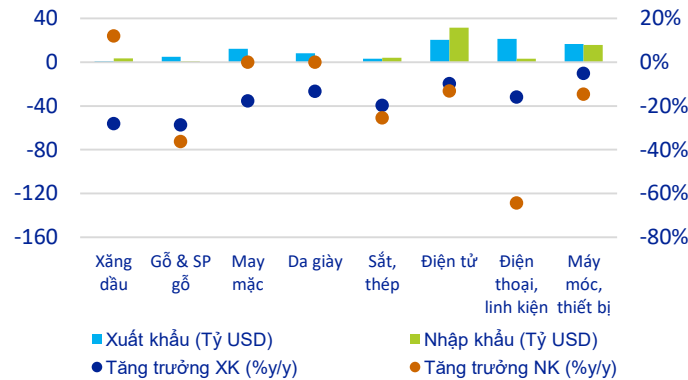
Nguồn: GSO, ACBS

Thị trường chính trong 5M2023



Nguồn: GSO, ACBS

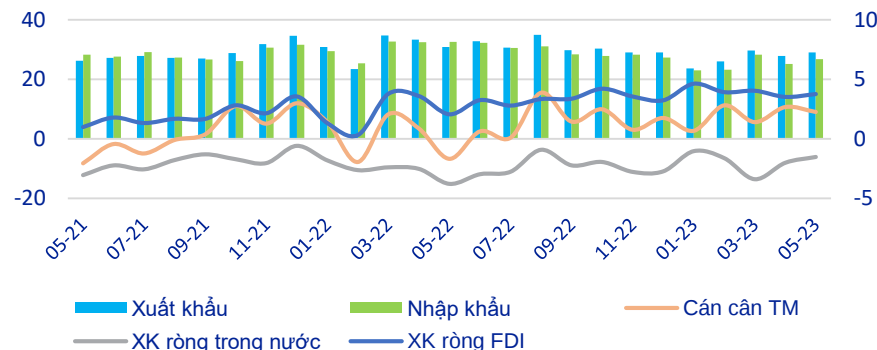
Các mặt hàng chính trong 5M2023



Nguồn: GSO, ACBS

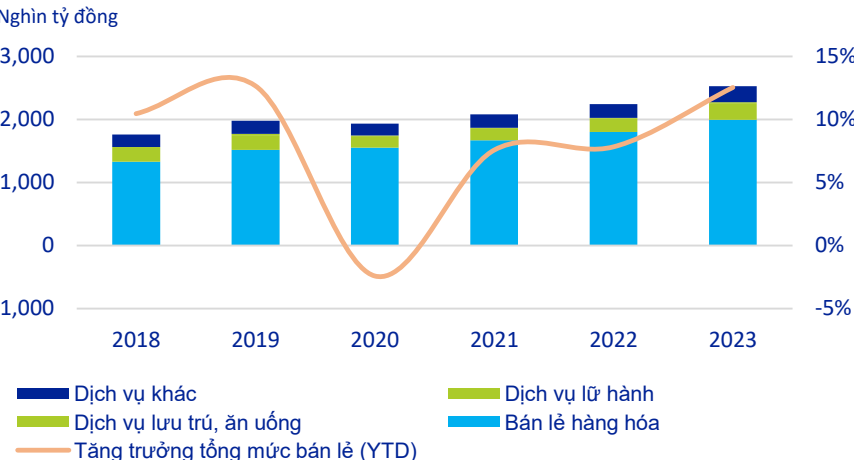
- ❖ Ngoại thương phục hồi nhẹ trong tháng Năm nhưng vẫn thấp hơn so với năm ngoái với tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 55,8 tỷ USD (+5,3% m/m, -12,1% y/y), trong đó xuất khẩu ghi nhận 29 tỷ USD (+4,3% m/m, -5,9% y/y) và nhập khẩu được ghi nhận ở mức 26,8 tỷ USD (+6,4% m/m, -18,4% y/y).
- ❖ Tính chung 5T2023, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu thấp hơn 14,2% so với cùng kỳ năm 2022, trong đó xuất khẩu giảm 11,6% và nhập khẩu giảm 17,9% nhưng cán cân thương mại đạt thặng dư 9,8 tỷ USD, khá cao so với cùng kỳ trong những năm trước.
- ❖ Trong 5 tháng đầu năm 2023, xuất khẩu sang các thị trường chính đều giảm so với cùng kỳ năm trước như Mỹ (-19,5%), Trung Quốc (-9,3%), EU (-6,5%), ASEAN (-5,1%), Hàn Quốc (-7,1%), xuất khẩu sang Nhật Bản (+0,4%) vẫn duy trì ổn định.

Xuất nhập khẩu hàng hóa theo tháng (USDbn)



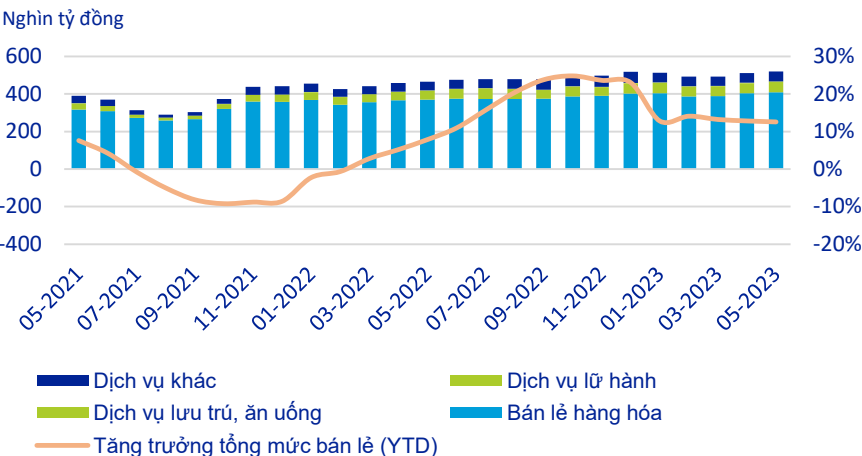
Nguồn: GSO, ACBS

Tổng mức bán lẻ trong 5 tháng



Nguồn: GSO, ACBS

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ theo tháng

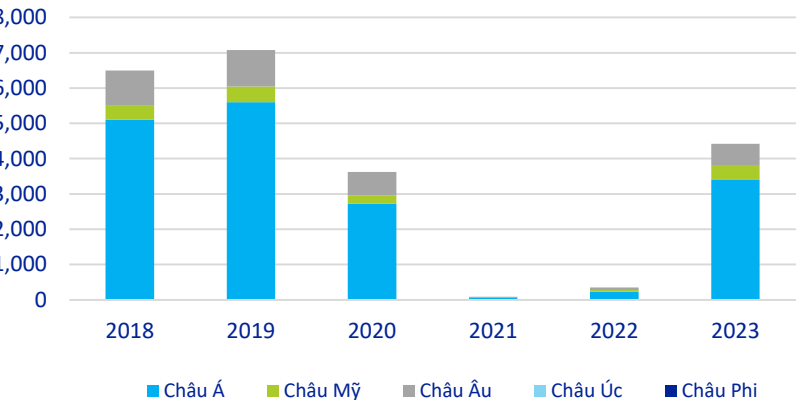


Nguồn: GSO, ACBS

- ❖ Doanh số bán lẻ duy trì đà tăng trưởng trong tháng Năm nhờ lượng khách du lịch trong nước và quốc tế gia tăng khi biên giới mở cửa trở lại đón du khách quốc tế từ tháng 3/2022 và kỳ nghỉ lễ dài vào đầu tháng Năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 519 nghìn tỷ đồng (+1,5% m/m, +11,5% y/y) trong tháng Năm, trong đó doanh thu hàng hóa tăng 10,9% y/y, dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng 12,1%, dịch vụ du lịch tăng 40,3% và dịch vụ khác tăng 14,6%.
- ❖ Trong 5 tháng đầu năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa ghi nhận là 2.527 nghìn tỷ đồng (tăng 12,6%). Về mặt hàng bán lẻ, doanh thu của lương thực và thực phẩm tăng 14,6%, hàng may mặc tăng 11,1%, dụng cụ & thiết bị gia đình tăng 4,8%, phương tiện đi lại (không bao gồm ô tô) tăng 4,2%, văn hóa và các mặt hàng giáo dục giảm 1,9%.

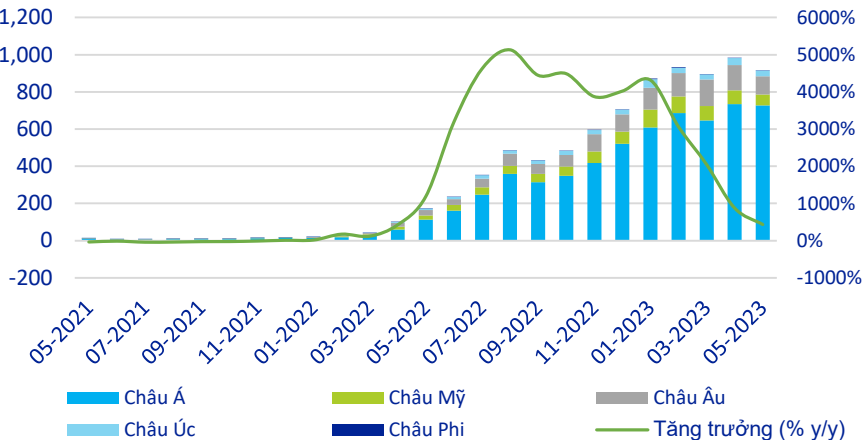
Khách quốc tế đến Việt Nam trong 5 tháng

Ngàn người



Nguồn: GSO, ACBS

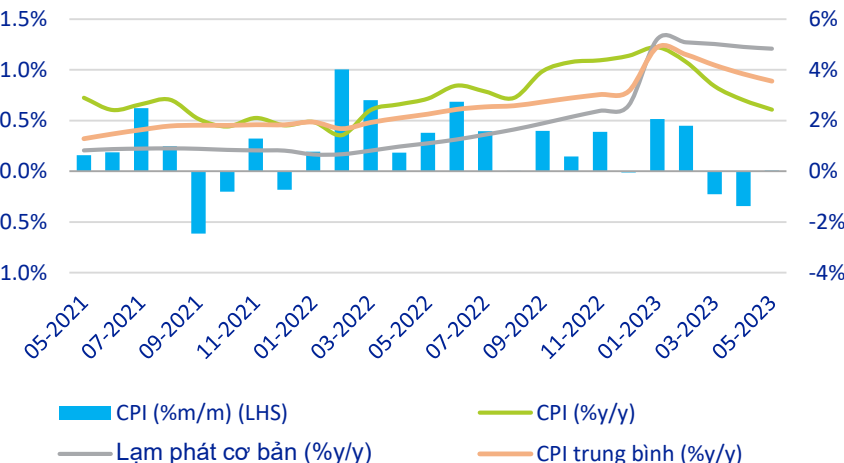
Khách quốc tế đến Việt Nam (Ngàn người)



Nguồn: GSO, ACBS

- ❖ Khách quốc tế tiếp tục tăng trong tháng Năm với 916 nghìn lượt khách quốc tế đến Việt Nam (-6,9% m/m, +4,3 lần y/y), trong đó khách đến từ Trung Quốc, Philippines, Malaysia, Indonesia, Thụy Sĩ tăng mạnh nhất. Tổng lượng khách quốc tế 5T2023 đạt 4,6 triệu lượt, cao gấp 11 lần cùng kỳ 2022 nhưng vẫn thấp hơn 37% so với 5T2019 (trước dịch COVID-19). Du khách đến từ Hàn Quốc, Trung Quốc, Mỹ và Đài Loan là những du khách đến nhiều nhất trong 5 tháng đầu năm 2023.
- ❖ Lượng khách quốc tế đến Việt Nam đã được cải thiện kể từ khi mở cửa lại biên giới vào Quý I/2022. Việc nối lại du lịch quốc tế sẽ mang lại lợi ích cho nhiều ngành, đặc biệt là dịch vụ và lưu trú và ăn uống. Trong năm 2023, chúng tôi kỳ vọng lượng khách quốc tế đến Việt Nam tiếp tục tăng do du khách đã có thời gian lên kế hoạch cho chuyến đi và các thủ tục đi lại liên quan đến COVID đã được loại bỏ, kết hợp với việc Trung Quốc mở cửa trở lại biên giới sau 3 năm đóng cửa vì COVID-19 giúp cải thiện giao thông và ngoại thương giữa Trung Quốc và Việt Nam.

Chỉ số CPI



Nguồn: GSO, ACBS

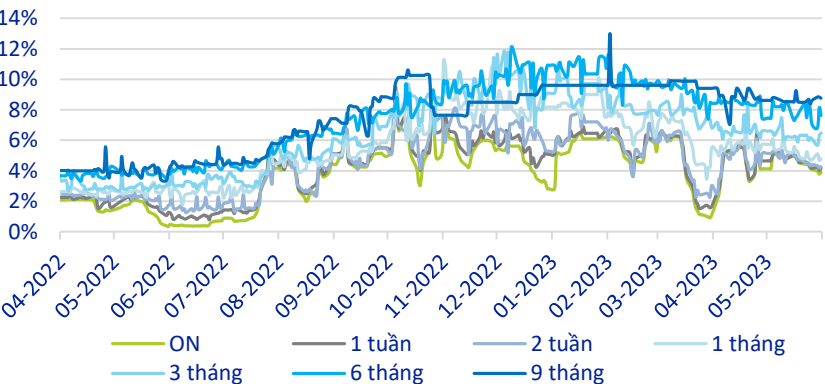
Giỏ hàng hóa tiêu dùng	Tỷ trọng (%)	05/2023 (% m/m)	05/2023 (% y/y)	Trung bình 5M2023 (% y/y)
CPI chung	100.0	0.01%	2.43%	3.55%
Hàng ăn & dịch vụ ăn uống	33.6	0.24%	3.58%	4.30%
Lương thực	3.7	0.29%	3.85%	3.77%
Thực phẩm	21.3	0.22%	2.89%	3.80%
Ăn uống ngoài gia đình	8.6	0.26%	5.20%	5.80%
Đồ uống & thuốc lá	2.7	0.13%	3.43%	3.80%
May mặc, mũ nón & giày dép	5.7	0.10%	2.22%	2.50%
Nhà ở & vật liệu xây dựng	18.8	1.01%	6.40%	6.62%
Thiết bị & đồ dùng gia đình	6.7	0.16%	2.23%	2.56%
Thuốc & dịch vụ y tế	5.4	0.04%	0.63%	0.63%
Giao thông	9.7	-2.98%	-8.94%	-3.64%
Bưu chính viễn thông	3.1	-0.17%	-0.51%	-0.32%
Giáo dục	6.2	-0.10%	5.70%	8.39%
Văn hoá, giải trí & du lịch	4.6	0.24%	2.49%	4.03%
Đồ dùng & dịch vụ khác	3.5	0.23%	3.38%	3.35%

Màu xanh: tăng so với kỳ tương ứng trước đó

Màu đỏ: giảm so với kỳ tương ứng trước đó

- ❖ Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) gần như đi ngang trong tháng Năm, chỉ tăng 0,01% so với tháng trước và tăng 2,43% so với cùng kỳ, thấp hơn mức tăng của tháng Tư. Trong đó, nhóm lương thực và thực phẩm tăng 0,24% so với tháng trước do giá gạo và giá các mặt hàng thực phẩm chế biến tăng; nhóm nhà ở và vật liệu xây dựng tăng 0,16% so với tháng trước do giá điện, giá nước và giá gas tăng. Ngược lại, nhóm giao thông giảm 2,98% so với tháng trước do xăng dầu giảm 7,83%, giáo dục giảm 0,1% so với tháng trước do nhiều tỉnh giảm học phí theo chính sách hỗ trợ của chính phủ.
- ❖ CPI bình quân 5 tháng đầu năm 2023 tăng 3,55% và lạm phát cơ bản ghi nhận ở mức 4,83%, thấp hơn tháng trước. Tốc độ tăng của lạm phát lõi có chậm lại nhưng vẫn cao hơn mức bình quân 5 năm là 1,59%. Chúng tôi đang tiếp tục theo dõi chỉ số CPI cơ bản phản ánh tác động dài hạn của giá cả cao đối với sức mua của người tiêu dùng, đặc biệt trong trường hợp giá điện tăng kéo theo chi phí nhiều mặt hàng tăng. Lạm phát ở nhiều khu vực trên toàn cầu, trong đó có Khu vực đồng tiền chung châu Âu từng giữ mức cao 7% trong tháng Tư, đã giảm trong những tháng gần đây như số liệu trong trang 18.

Lãi suất liên ngân hàng

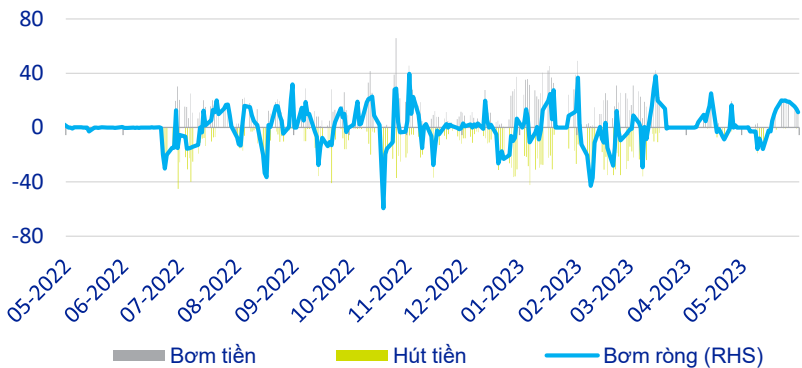


Nguồn: FiinPro, ACBS

- ❖ Lãi suất liên ngân hàng hầu hết các kỳ hạn đều giảm trong tháng Năm, ngoại trừ kỳ hạn 6 tháng và 9 tháng tăng nhẹ. So với đầu năm 2023, lãi suất liên ngân hàng ở hầu hết các kỳ hạn đều giảm mạnh. Cuối tháng Năm, Ngân hàng Nhà nước tiếp tục hạ thêm 50 điểm cơ bản các loại lãi suất điều hành, đây là lần giảm lãi suất thứ ba trong năm 2023 nhằm thực hiện mục tiêu phục hồi kinh tế của Quốc hội và Chính phủ.
- ❖ Trong tháng Năm, NHNN đã bơm ròng 104 nghìn tỷ đồng ra thị trường chủ yếu thông qua tín phiếu đáo hạn. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục bơm VND ra thị trường trong khi tiếp tục mua vào USD. Ước tính NHNN đã bơm vào khoảng 140 nghìn tỷ đồng trong 5 tháng đầu năm 2023 thông qua mua ngoại tệ để ổn định thanh khoản thị trường, bổ sung dự trữ ngoại hối và kéo lãi suất đi xuống để hỗ trợ doanh nghiệp.

Bơm ròng/ (Hút ròng) trên thị trường OMO

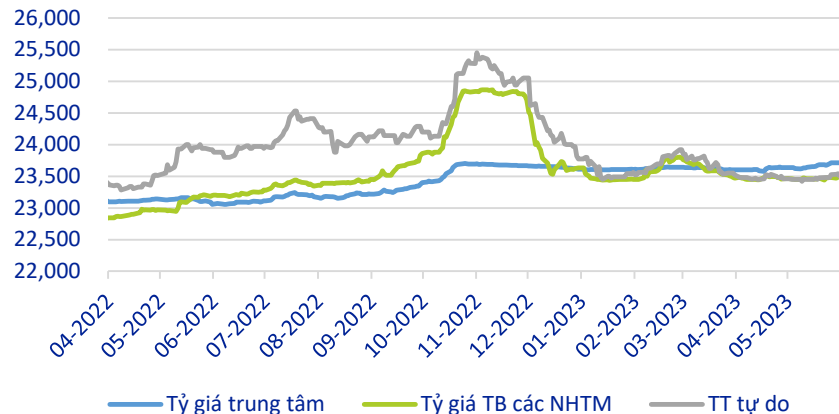
Nghìn tỷ VND



Lãi suất liên ngân hàng

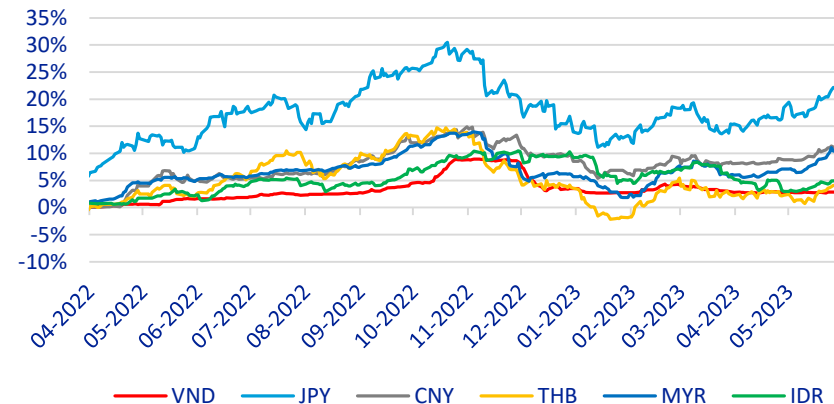
Kỳ hạn	ON	1 Tuần	2 Tuần	1 Tháng	3 Tháng	6 Tháng	9 Tháng
31/05/2023 (%)	3.90	4.17	4.26	4.79	6.47	7.62	8.76
+/- MoM (bps)	-22	-48	-87	-94	-13	17	14
+/- YTD (bps)	109	-91	-102	-338	-262	-329	-85

Tỷ giá USD/VND



Nguồn: Fiin Pro, ACBS

Tỷ giá USD/VND và các đồng tiền trong khu vực



Nguồn: Bloomberg, ACBS. Ghi chú: Chênh lệch so với 31/12/2021

- ❖ Tỷ giá USD/VND bình quân tại các ngân hàng chốt tháng ở mức 23.490, tăng 0,13% so với tháng trước trong khi tỷ giá tại NHNN và thị trường tự do cũng tăng trong tháng Năm. Trước tình hình thanh khoản trên thị trường ngoại tệ được cải thiện, NHNN đã hạ tỷ giá mua vào trong nửa cuối tháng Năm xuống 23.400 đồng và tiếp tục mua vào USD để bổ sung dự trữ ngoại hối. Các đồng tiền khác ở châu Á cũng giảm giá so với USD trong bối cảnh Chỉ số Đô la Mỹ DXY tăng mạnh trong tháng Năm (+2,62% m/m).
- ❖ Giá vàng toàn cầu trong tháng Năm giảm 1,3% xuống 1.964 USD/ounce do áp lực đồng USD mạnh lên trong khi giá vàng trong nước giảm 0,2% xuống 67,05 triệu đồng/lượng, tương đương mức chênh lệch khoảng 19,7% so với giá thế giới, thấp hơn đáng kể so với mức chênh lệch 26% vào cuối tháng Hai.

Các chỉ số vĩ mô chính

Chỉ số hàng tháng	06-2022	07-2022	08-2022	09-2022	10-2022	11-2022	12-2022	01-2023	02-2023	03-2023	04-2023	05-2023
Sản xuất công nghiệp (% y/y)	9.1%	9.5%	13.3%	10.3%	5.5%	3.5%	0.2%	-14.9%	7.2%	-2.0%	-2.4%	0.1%
Khai khoáng	5.1%	-2.8%	7.5%	14.9%	12.1%	16.8%	-5.1%	-13.0%	9.9%	-4.2%	-5.5%	-2.9%
Công nghiệp chế biến, chế tạo	9.9%	11.1%	14.1%	9.6%	4.4%	2.3%	0.6%	-15.6%	6.8%	-2.5%	-2.8%	-0.5%
Sản xuất & phân phối điện	5.5%	6.2%	12.3%	16.4%	9.3%	2.7%	1.3%	-12.4%	8.3%	1.8%	2.3%	5.0%
Cung cấp nước & xử lý chất thải	6.3%	12.1%	5.9%	9.1%	14.4%	7.0%	5.5%	-1.4%	7.1%	11.1%	8.1%	6.8%
PMI	54.0	51.2	52.7	52.5	50.6	47.4	46.4	47.4	51.2	47.7	46.7	45.3
Bán lẻ trong nước (% y/y)	28.3%	52.9%	65.2%	58.2%	34.1%	13.5%	17.3%	12.8%	15.5%	11.5%	11.7%	11.5%
CPI (% m/m)	0.7%	0.4%	0.0%	0.4%	0.1%	0.4%	0.0%	0.5%	0.4%	-0.2%	-0.3%	0.0%
CPI (% y/y)	3.4%	3.1%	2.9%	3.9%	4.3%	4.4%	4.5%	4.9%	4.3%	3.4%	2.8%	2.4%
Kim ngạch xuất khẩu (USDm)	32,843	30,607	34,918	29,817	30,369	29,020	29,029	23,611	26,052	29,709	27,864	29,050
Kim ngạch nhập khẩu (USDm)	32,233	30,533	31,059	28,388	27,903	28,277	27,292	22,955	23,253	28,322	25,208	26,810
Cán cân thương mại (USDm)	610	74	3,859	1,429	2,466	743	1,737	656	2,799	1,387	2,656	2,240
FDI giải ngân (USDm)	2,348	1,512	1,230	2,628	2,022	2,230	2,716	1,350	1,200	1,774	1,526	1,800
FDI đăng ký trừ vốn góp (USDm)	2,032	1,203	899	1,610	3,197	2,387	1,507	1,511	788	1,932	1,534	1,776

Các chỉ số vĩ mô chính (tt)

Kinh tế vĩ mô | Thị trường vốn | Chủ đề thời sự | Tóm tắt ngành

Chỉ số hàng năm	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	YTD-2023
GDP	6.0%	6.7%	6.2%	6.8%	7.1%	7.0%	2.9%	2.6%	8.0%	3.3%
Sản xuất công nghiệp	7.6%	9.8%	7.5%	9.4%	10.2%	9.1%	3.4%	4.8%	7.8%	-2.0%
Bán lẻ trong nước	10.6%	9.5%	10.2%	10.9%	11.7%	11.8%	2.6%	-3.8%	19.8%	12.6%
Chỉ số giá tiêu dùng	4.1%	0.6%	2.7%	3.5%	3.5%	2.8%	3.2%	1.9%	3.1%	3.6%
Kim ngạch xuất khẩu (USDbn)	150.22	162.02	176.58	215.12	243.70	264.34	282.53	336.25	371.30	136.17
Kim ngạch nhập khẩu (USDbn)	147.85	165.78	174.98	213.22	236.87	254.09	262.67	332.25	358.90	126.37
Cán cân thương mại (USDbn)	2.37	-3.76	1.60	1.90	6.83	10.25	19.86	4.00	12.40	9.80
FDI giải ngân (USDbn)	12.35	14.50	15.80	17.50	19.10	20.38	19.98	19.74	1.61	7.65
FDI đăng ký (USDbn)	20.23	22.76	20.95	29.97	25.57	22.55	21.06	24.26	1.66	7.54

Chỉ số hàng quý	4Q-2020	1Q-2021	2Q-2021	3Q-2021	4Q-2021	1Q-2022	2Q-2022	3Q-2022	4Q-2022	1Q-2023
GDP (% y/y)	4.7%	4.9%	6.6%	-6.0%	5.2%	5.1%	7.8%	13.7%	5.9%	3.3%
Nông - lâm - ngư nghiệp	5.9%	4.0%	4.1%	1.4%	3.6%	2.7%	3.1%	3.7%	3.9%	2.5%
Công nghiệp & Xây dựng	8.2%	6.0%	9.6%	-5.2%	5.0%	6.6%	8.7%	12.2%	4.2%	-0.4%
Dịch vụ	2.4%	4.4%	4.7%	-8.7%	5.9%	4.5%	8.9%	19.3%	8.1%	6.8%
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% y/y)	6.3%	5.7%	12.4%	-5.0%	6.4%	6.8%	9.8%	10.9%	3.0%	-2.3%
Bán lẻ trong nước (% y/y)	8.0%	4.6%	4.1%	-28.3%	0.0%	5.0%	20.1%	41.2%	17.1%	13.9%
Kim ngạch xuất khẩu (USDbn)	80.15	78.40	78.23	82.15	95.62	89.10	96.93	96.31	89.50	79.17
Kim ngạch nhập khẩu (USDbn)	76.92	75.61	82.50	83.86	89.07	87.65	97.64	90.29	85.07	75.10
Cán cân thương mại (USDbn)	3.23	2.79	-4.27	-1.70	6.55	1.46	-0.72	6.02	4.44	4.07
FDI giải ngân (USDbn)	6.22	4.10	5.14	4.04	6.46	4.42	5.64	5.37	6.97	4.32
FDI đăng ký (USDbn)	5.58	9.33	4.34	5.26	5.34	7.28	4.48	3.71	7.09	4.23

Các chỉ số vĩ mô chính của các nước trên thế giới

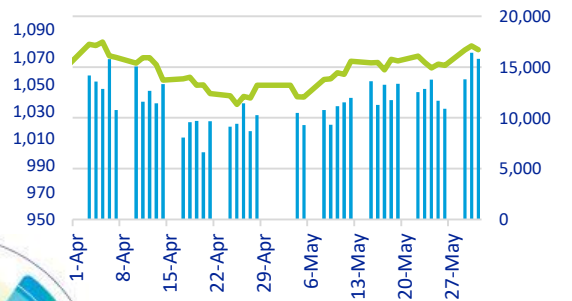
Quốc gia	Tăng trưởng GDP			Lạm phát			PMI sản xuất		
	3Q-2021	4Q-2022	1Q-2023	03-2023	04-2023	05-2023	03-2023	04-2023	05-2023
Indonesia	5.7%	5.0%	5.0%	5.0%	4.3%	4.0%	51.9	52.7	50.3
Malaysia	14.2%	7.1%	5.6%	3.4%	3.3%		48.8	48.8	47.8
Phillipines	7.6%	7.1%	6.4%	7.6%	6.6%	6.1%	52.5	51.4	52.2
Singapore	4.2%	2.1%	0.4%	5.5%	5.7%				
Thái Lan	4.6%	1.4%	2.7%	2.8%	2.7%	0.5%	53.1	60.4	58.2
Việt Nam	13.7%	5.9%	3.3%	3.4%	2.8%	2.4%	47.7	46.7	45.3
Trung Quốc	3.9%	2.9%	4.5%	0.7%	0.1%		50.0	49.5	50.9
Hồng Kông	-4.6%	-4.1%	2.7%	1.7%	2.1%				
Đài Loan	3.6%	-0.8%	-2.9%	2.4%	2.4%	2.0%	48.6	47.1	44.3
Nhật Bản	1.5%	0.4%	1.3%	3.2%	3.5%		49.2	49.5	50.6
Nam Hàn	3.1%	1.3%	0.9%	4.2%	3.7%	3.3%	47.6	48.1	48.4
Ấn Độ	6.3%	4.5%	6.1%	5.7%	4.7%		56.4	57.2	58.7
Hoa Kỳ	3.2%	2.6%	1.3%	5.0%	4.9%		49.2	50.2	48.4
Khu vực Châu Âu	2.4%	1.8%	1.3%	6.9%	7.0%	6.1%	47.3	45.8	44.8

Các dự báo về tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2023

Tổ chức	Dự báo mới nhất	Dự báo trước đây
Ngân hàng Thế giới	6.0% (06/2023)	6.3% (03/2023)
Tổ chức Tiền tệ Quốc tế	5.8% (04/2023)	5.8% (11/2022)
Ngân hàng Phát triển Châu Á	6.5% (04/2023)	6.3% (12/2022)
Fitch Ratings	5.8% (03/2023)	6.3% (03/2022)
S&P	6.5%-7% (05/2022)	
Standard Chartered Bank	6.5% (05/2023)	7.2% (10/2022)
HSBC	5.8% (12/2022)	6.3% (07/2022)
United Oversea Bank	6.6% (12/2022)	
ACBS	4.4% - 5.1% (04/2023)	5.9% - 6.4% (01/2023)

Tổng quan thị trường chứng khoán trong tháng Năm

Thống kê thị trường	05/2023		5M2023	
Mã Bloomberg	VNIndex		VNIndex	
Khoảng dao động (pts)	1,037 - 1,079		1,007 - 1,124	
Chỉ số cuối tháng (pts)	1,075.2		1,075.2	
Vốn hóa thị trường (VNDbn)	4,319,874		4,319,874	
Vốn hóa thị trường (USDbn)	182.5		182.5	
Giá trị giao dịch TB (VNDbn)	12,275		10,657	
Số mã tăng	306		301	
Số mã giảm	96		106	
Nước ngoài mua ròng (USDbn)	-0.130		0.003	
Tỷ lệ tham gia NĐT nước ngoài	7.4%		10.4%	
Tăng trưởng (%)	1M	3M	6M	12M
VNIndex	2.5	4.9	2.6	-16.8
VN30	1.4	5.1	1.6	-20.0



VNIndex hồi phục lên 1.075 điểm vào cuối tháng Năm sau khi mất 1,5% trong tháng Tư nhưng vẫn chưa vượt qua đỉnh 1.124 điểm kể từ đầu năm 2023. Thanh khoản chung của VNIndex tiếp tục cải thiện với ADTV tăng 9,7% so với tháng Tư nhưng vẫn thấp so với cùng kỳ năm trước (ADTV giảm 53,8% so với cùng kỳ). Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng tháng thứ hai liên tiếp, kéo giá trị mua ròng lũy kể từ đầu năm 2023 xuống chỉ còn 2,5 triệu USD trong bối cảnh thị trường chứng khoán toàn cầu trầm lắng khi thời hạn nợ của Mỹ sắp đến và nước Đức, nền kinh tế lớn nhất châu Âu, đã công bố chỉ số GDP điều chỉnh của quý I/2023 cho thấy nền kinh tế này bước vào suy thoái về mặt kỹ thuật do giá cả cao và tiêu dùng yếu. Trong khi lãi suất thế giới tiếp tục ở mức cao thì trong nước, VNIndex được hỗ trợ bởi việc Ngân hàng Nhà nước hạ lãi suất điều hành lần thứ ba trong năm để hỗ trợ doanh nghiệp và tiêu dùng và việc Quy hoạch điện VIII đã được thông qua vào ngày 15/5 sau hơn hai năm bị hoãn.

Tập đoàn Hòa Phát (HOSE: HPG) đề xuất triển khai 4 dự án với tổng vốn đầu tư 120 nghìn tỷ đồng tại tỉnh Phú Yên gồm Khu công nghiệp Hòa Tâm, Cảng Bãi Góc, Khu liên hợp gang thép Hòa Phát và Trung tâm thương mại - dịch vụ trong thời gian 36 tháng, trong đó tập đoàn sẽ góp 50% và đang tìm kiếm các nhà đầu tư khác. Cổ phiếu này tiếp tục thu hút dòng vốn ngoại tháng thứ 5 liên tiếp. Để củng cố nguồn lực tài chính, chính phủ Việt Nam đã trình Quốc hội kế hoạch tăng vốn điều lệ của Agribank thêm 17,1 nghìn tỷ đồng trong năm nay, nâng vốn của ngân hàng này lên 51,43 nghìn tỷ đồng và đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu 8% theo yêu cầu tại Thông tư 41/2016/TT-NHNN. Các ngân hàng khác cũng đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ để nâng cao năng lực tài chính. Sabeco (HOSE: SAB), nhà sản xuất bia lớn nhất tính theo giá trị thị trường tại Việt Nam, và Tập đoàn Điện lực Singapore (SP Group) đã ký Biên bản ghi nhớ mở rộng giai đoạn hai của dự án điện mặt trời áp mái có công suất 10,44 MWp tại chín nhà máy bia của Sabeco, ước tính sẽ cung cấp hiệu quả khoảng 23% điện năng tiêu thụ tại các nhà máy bia này, tiết kiệm khoảng 25 triệu kWh mỗi năm, nâng tổng số nhà máy bia sử dụng năng lượng mặt trời trong hệ thống của Sabeco lên con số 17 vào cuối năm 2023. Toàn hệ thống này ước tính sẽ đáp ứng gần 23% điện năng tiêu thụ tại các nhà máy bia.

Thành phần và định giá HOSE cuối tháng

Kinh tế vĩ mô

Thị trường vốn

Chủ đề thời sự

Tóm tắt ngành

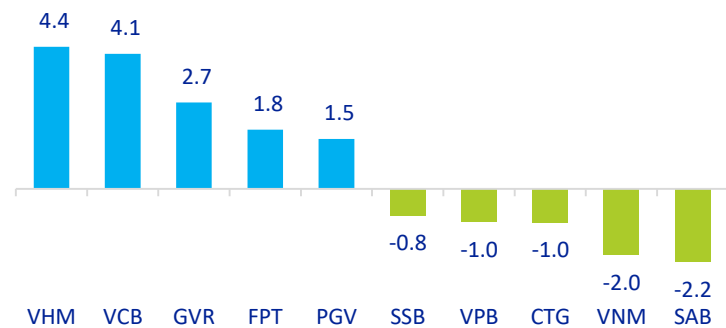
Ngành	Số mã CK	Vốn hóa (VNDtn)	TT 1M	TT YTD	P/E	P/B	ROA	ROE	GTGD TB (% m/m)	GTGD TB (% y/y)	NN mua ròng 1M (VNDbn)	NN mua ròng YTD (VNDbn)
Ngân hàng	17	1,590.4	2.1%	12.8%	10.0	1.9	1.8%	20.5%	1.0%	-38.6%	-2,049.6	-4,525.8
Bất động sản	49	755.1	3.5%	5.6%	29.3	1.9	5.7%	13.1%	20.8%	-59.3%	335.2	1,601.2
F&B	32	439.7	-3.2%	-9.0%	25.3	3.6	10.1%	15.5%	-0.6%	-43.3%	293.4	-52.5
Nguyên vật liệu	61	319.9	4.9%	18.3%	92.5	1.3	6.6%	8.6%	25.8%	-59.5%	293.0	3,147.5
Dịch vụ tiện ích	28	307.5	3.8%	4.8%	12.4	2.3	13.5%	20.7%	8.5%	-52.8%	-335.6	1,259.8
Tư liệu sản xuất	74	187.3	13.4%	31.0%	157.8	1.5	3.9%	8.7%	26.3%	-59.0%	-181.2	-51.7
Vận tải	28	161.4	2.3%	1.3%	22.6	2.7	1.9%	3.7%	31.6%	-62.0%	-402.4	-511.5
Dịch vụ tài chính	17	126.2	14.1%	42.3%	34.2	1.6	2.2%	5.8%	-3.4%	-60.6%	-334.0	-404.5
Phần mềm	3	99.8	7.9%	9.2%	17.0	4.0	10.1%	25.6%	61.6%	-64.5%	358.9	421.0
Năng lượng	9	72.5	4.7%	22.5%	187.2	1.6	2.5%	6.7%	6.4%	-44.8%	-510.4	-1,681.8
Bán lẻ	9	72.5	0.2%	-8.1%	23.6	2.5	4.5%	12.0%	-17.5%	-59.1%	-6.7	-30.4
Bảo hiểm	5	44.3	-1.8%	-1.9%	18.4	1.5	1.5%	8.4%	-0.9%	-31.2%	26.0	597.9
Hàng tiêu dùng lâu bền & trang phục	17	40.5	-2.8%	-7.0%	12.6	2.2	11.3%	16.8%	-24.9%	-56.1%	-327.5	-91.2
Dược phẩm, CN sinh học & KH đời sống	10	31.2	6.3%	18.4%	13.7	2.5	16.1%	20.1%	30.5%	-55.1%	-17.0	-75.2
Ô tô & phụ tùng	6	7.8	0.1%	13.0%	15.4	1.6	6.1%	11.4%	-2.9%	-59.9%	-6.0	-2.7
Thương mại & dịch vụ chuyên nghiệp	6	6.7	8.9%	34.8%	14.0	2.0	15.4%	21.0%	19.8%	-34.7%	10.2	50.8
Phần cứng & thiết bị công nghệ	1	5.9	3.2%	-6.2%	10.4	2.3	8.8%	24.7%	-9.4%	-62.7%	6.4	40.0
Dịch vụ tiêu dùng	7	5.4	3.2%	3.0%	52.8	3.9	14.1%	18.3%	33.5%	-49.5%	3.5	13.2
Thiết bị & dịch vụ chăm sóc sức khỏe	3	3.4	-0.8%	15.4%	12.4	1.7	6.5%	12.0%	189.0%	-25.1%	-1.2	-0.4
Chưa phân loại	10	2.6	6.8%	-1.0%	6.3	0.6	5.4%	8.0%	195.1%	-89.8%	-0.9	-0.7
Dịch vụ viễn thông	1	1.9	9.4%	-15.5%	-	1.2	-2.0%	-7.8%	30.5%	-85.0%	23.9	81.3
Hàng gia dụng	1	1.4	3.0%	11.9%	7.4	1.7	18.0%	26.1%	-4.7%	-44.5%	-0.5	-6.4
Truyền thông & giải trí	2	1.2	8.4%	47.2%	21.2	1.9	6.8%	10.5%	73.2%	-54.3%	0.5	-0.5
VNIndex	418	4,319.9	2.5%	6.8%	14.65	1.65	2.03%	12.84%	9.7%	-53.8%	-3,095.1	42.3
VN30 Index	30	3,065.2	1.4%	6.1%	11.92	1.58	2.11%	14.72%	-0.9%	-49.5%	-1,445.2	-1,445.2

Nguồn: Bloomberg, ACBS

Danh sách 20 mã có vốn hóa thị trường lớn nhất (đến ngày 31/05/2023)

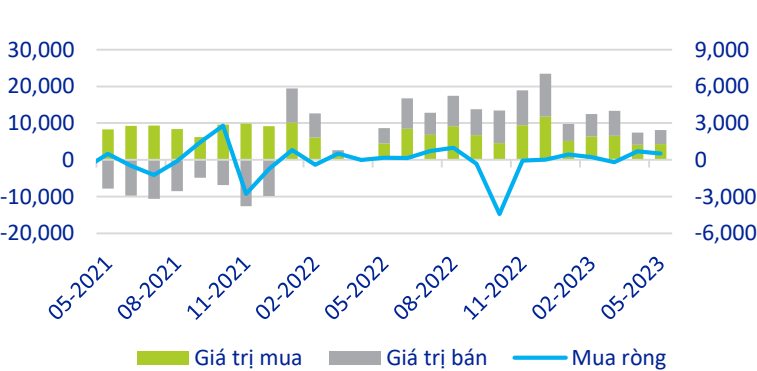
Mã CK	Tên công ty	Vốn hóa thị trường (VNDtn)	Tăng trưởng 1M	Tăng trưởng YTD	P/E	P/B	Room NN còn lại (%)
VCB	Vietcombank	444.9	3.9%	17.5%	14.4	3.1	6.5%
VHM	Vinhomes	233.0	8.1%	11.5%	6.4	1.5	25.6%
BID	BIDV	222.6	1.1%	14.0%	11.1	2.1	12.8%
VIC	VinGroup	198.3	-0.2%	-3.3%	26.1	1.7	35.1%
GAS	PV Gas	177.6	0.0%	-8.6%	12.2	2.8	46.0%
VNM	VINAMILK	138.1	-5.6%	-13.1%	19.1	4.4	45.0%
CTG	VietinBank	134.6	-2.9%	2.8%	8.0	1.2	2.5%
VPB	VPBank	129.6	-3.0%	7.8%	10.7	1.3	0.2%
HPG	Hòa Phát	123.3	-2.1%	17.8%	185.6	1.3	24.7%
TCB	Techcombank	105.3	1.5%	15.9%	5.5	0.9	0.0%
MSN	MASAN GROUP	102.5	-1.5%	-22.6%	46.8	3.9	18.9%
SAB	SABECO	101.3	-8.1%	-4.8%	20.7	4.2	37.5%
FPT	FPT Corp	92.9	8.5%	9.4%	16.6	4.1	0.0%
ACB	ACB	85.8	5.0%	16.0%	5.9	1.4	0.0%
MBB	MBBank	84.3	0.8%	8.8%	4.7	1.0	0.0%
BCM	Becamex IDC	80.7	-0.9%	-3.2%	66.6	4.8	46.2%
GVR	Tập đoàn CN Cao su VN	72.8	17.0%	31.9%	21.8	1.5	12.5%
SSB	SeABank	61.9	-5.0%	-7.8%	15.8	2.3	4.8%
VRE	Vincom Retail	61.6	-2.2%	3.0%	18.0	1.8	15.6%
MWG	Thế giới di động	57.4	0.0%	-8.6%	21.4	2.4	0.0%

Tỷ trọng đóng góp vào VNIndex trong 05/2023



Ghi chú: Điểm tác động (pts)

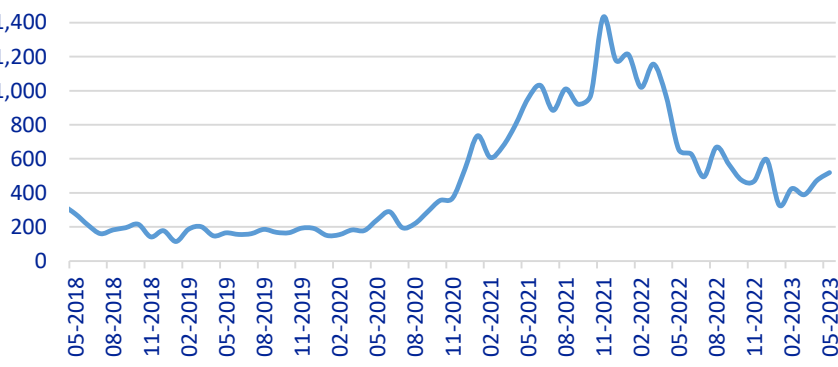
Giao dịch tự doanh của các CTCK (VNDbn)



Nguồn: FiinPro, ACBS

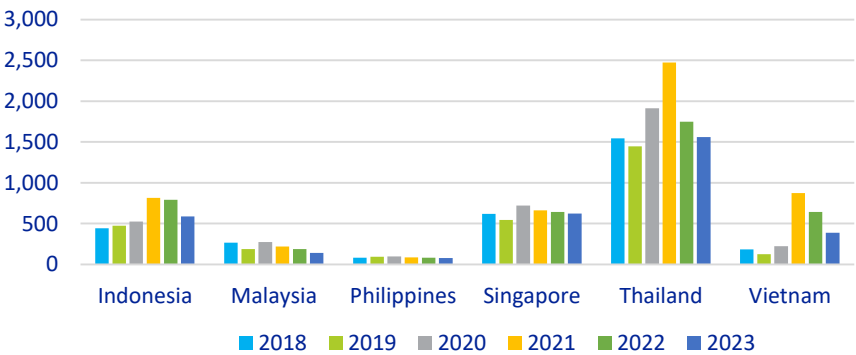
Nguồn: Bloomberg, FiinPro, ACBS

Giá trị giao dịch trung bình ngày (Triệu USD)



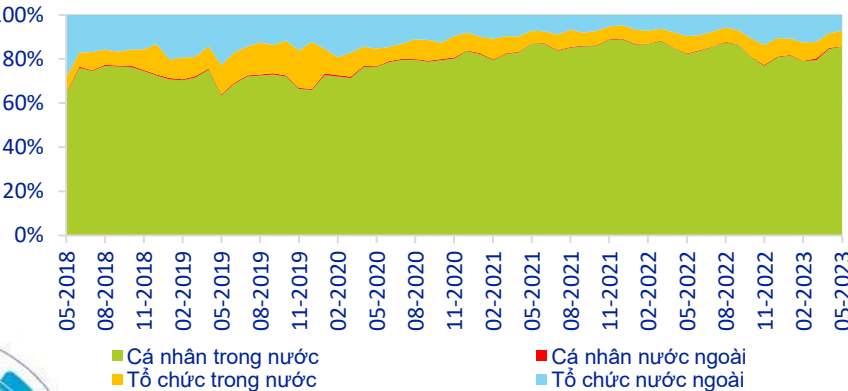
Nguồn: Fiin Pro, ACBS

Giá trị giao dịch trung bình ngày của các thị trường ASEAN (Triệu USD)



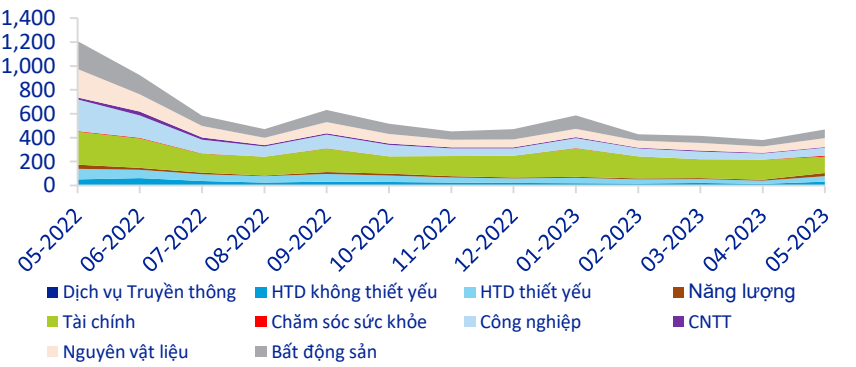
Nguồn: Bloomberg, ACBS

Giá trị giao dịch theo nhóm nhà đầu tư



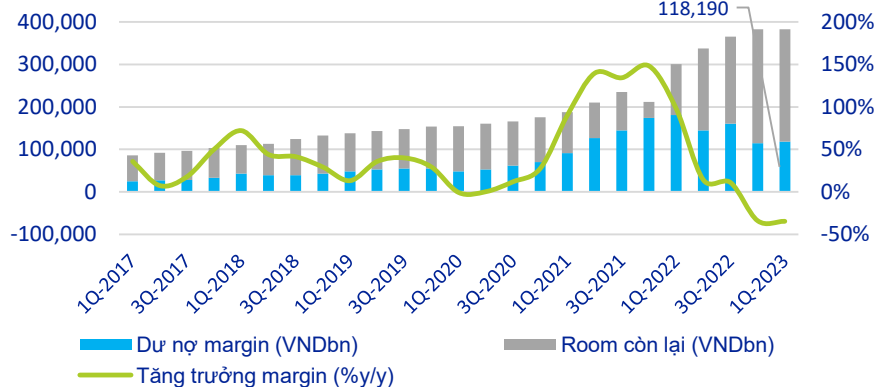
Nguồn: Fiin Pro, ACBS

Giá trị giao dịch TB ngày theo ngành (Triệu USD)



Nguồn: Fiin Pro, ACBS

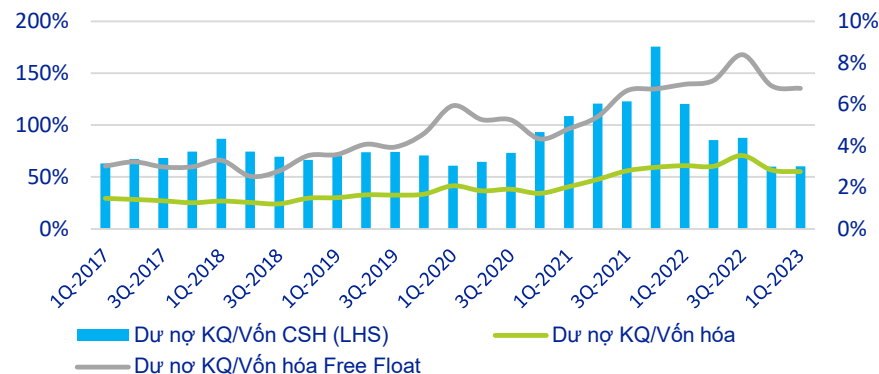
Dư nợ ký quỹ



Nguồn: Fiin Pro, ACBS. Ghi chú: room margin dựa trên giới hạn cho vay KQ của các CTCK

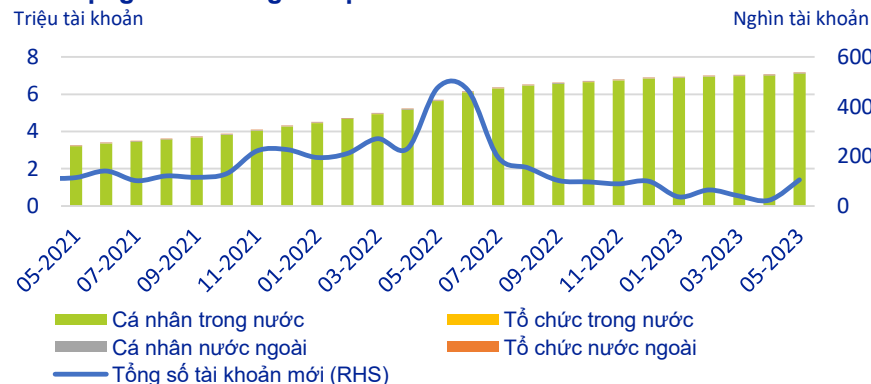
- Dư nợ cho vay ký quỹ toàn thị trường ước đạt 118 nghìn tỷ đồng vào cuối quý I/2023, tăng nhẹ 3% so với cuối quý trước và thấp hơn 35% so với cùng kỳ năm ngoái. Sở giao dịch TP HCM đã tăng số lượng cổ phiếu không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ lên 87 cổ phiếu tại thời điểm 12/4/2023 từ 62 cổ phiếu trong Quý IV/2022, con số này tại HNX giảm từ 84 cổ phiếu trong Quý IV/2022 xuống còn 77 cổ phiếu. Tỷ lệ dư nợ margin so với vốn hóa thị trường freefloat giảm nhẹ xuống 6,8%.
- Số tài khoản giao dịch mở mới trong tháng Năm tăng mạnh với hơn 104 nghìn tài khoản (+357% m/m). Tính chung, có gần 7,16 triệu tài khoản tính đến ngày 31/05/2023, tương đương khoảng 7,2% dân số Việt Nam.

Đòn bẩy ký quỹ



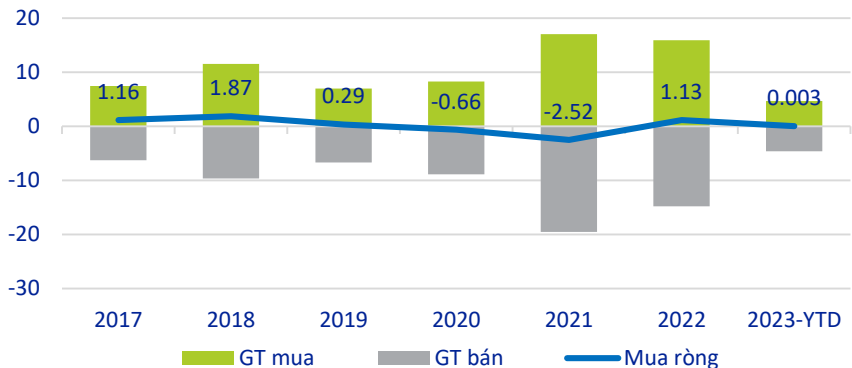
Nguồn: Fiin Pro, Bloomberg, ACBS

Số lượng tài khoản giao dịch



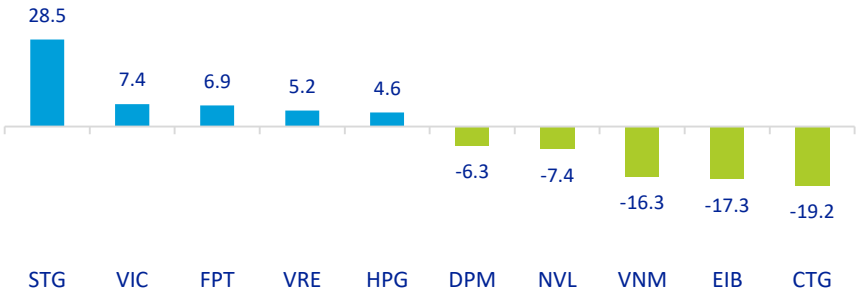
Nguồn: GSO, ACBS

Giao dịch NĐT nước ngoài - VNIndex (Tỷ USD)



Nguồn: FiinPro, ACBS

Cổ phiếu được NĐTNN mua ròng nhiều nhất trong tháng (Triệu USD)



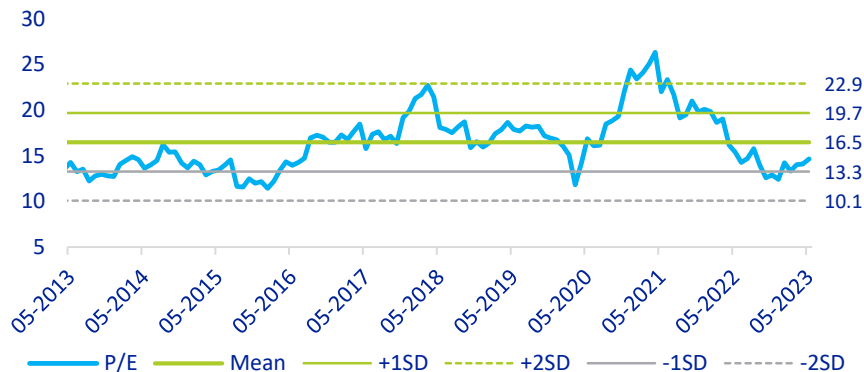
Nguồn: FiinPro, ACBS

- Nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục bán ròng tháng thứ hai liên tiếp với giá trị bán ròng 130 triệu USD, kéo giá trị mua ròng lũy kế từ đầu năm 2023 xuống chỉ còn 2,5 triệu USD. Nhà đầu tư nước ngoài bán ròng nhiều nhất ở nhóm Ngân hàng với giá trị bán ròng của CTG là 866 triệu USD và EIB là 779 triệu USD, và mua ròng nhiều nhất là ngành Phần mềm & Dịch vụ (giá trị mua ròng FPT là 310 triệu USD), Bất động sản (mua ròng VIC là 332 triệu USD, VRE là 236 triệu USD), F&B (mua ròng STG là 1,28 tỷ USD), Vật liệu (mua ròng HPG là 209 triệu USD).
- Các thị trường ASEAN khác ngoại trừ Indonesia cũng chứng kiến dòng vốn rút ròng của các nhà đầu tư nước ngoài trong tháng Năm khi dòng vốn này đang đổ dồn sang các lựa chọn thay thế hấp dẫn hơn như Nhật Bản, nơi đã nhận được dòng vốn ròng khoảng 31,6 tỷ USD từ đầu năm đến nay, thu hút các nhà đầu tư quốc tế nhờ kỳ vọng vào những nỗ lực của họ trong việc sửa đổi các quy tắc quản trị doanh nghiệp và chính sách tiền tệ được kỳ vọng sẽ hỗ trợ thị trường chứng khoán, Ấn Độ, nơi hoạt động sản xuất liên tục được mở rộng. Hàn Quốc và Đài Loan cũng được các nhà đầu tư nước ngoài mua ròng trong tháng Năm.

Thị trường	NN mua ròng 1M (Tỷ USD)	NN mua ròng YTD (Tỷ USD)	Vốn hóa TT (Tỷ USD)	NN Mua ròng YTD/ Vốn hóa TT
Việt Nam	-0.13	0.003	182.5	0.001%
Indonesia	0.11	1.38	624.9	0.22%
Malaysia	-0.16	-0.64	208.6	-0.31%
Philippines	-0.08	-0.56	163.7	-0.34%
Thái Lan	-0.97	-2.84	539.8	-0.53%
Đài Loan	5.20	10.97	1,685.1	0.65%

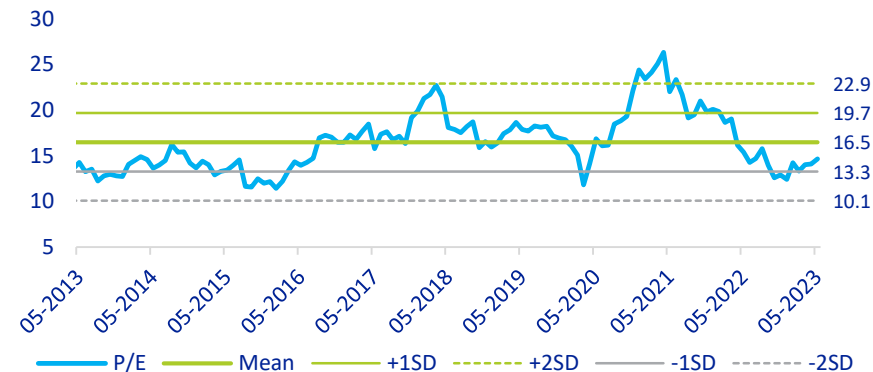
Nguồn: Bloomberg, FiinPro, ACBS

P/E của VNIndex trong 10 năm



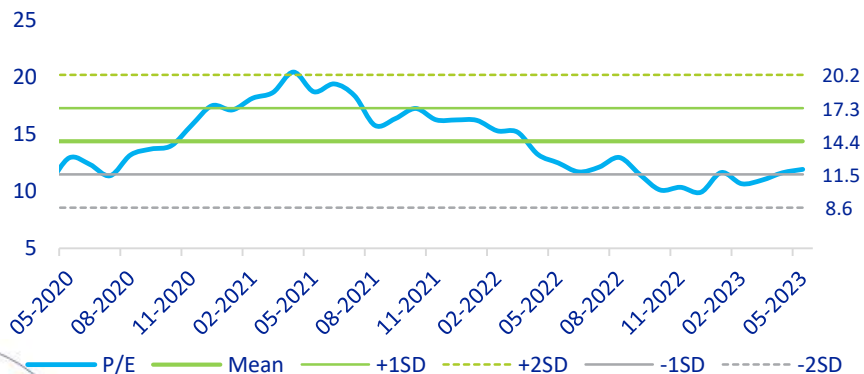
Nguồn: Bloomberg, ACBS

P/E của VNIndex trong 10 năm



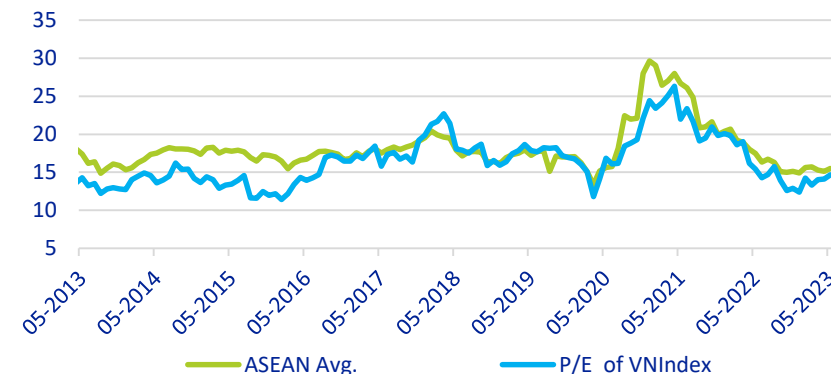
Nguồn: Bloomberg, ACBS

P/E của VN30 trong 3 năm



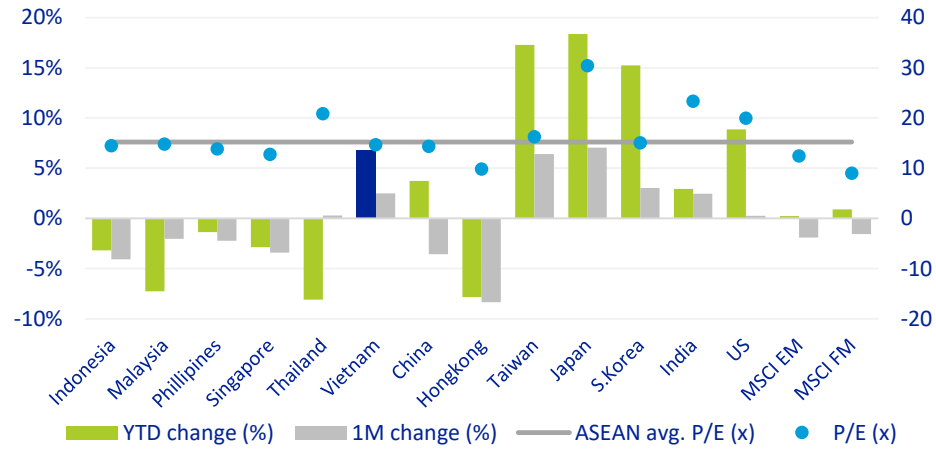
Nguồn: Bloomberg, ACBS

P/E của VNIndex và các thị trường trong khu vực



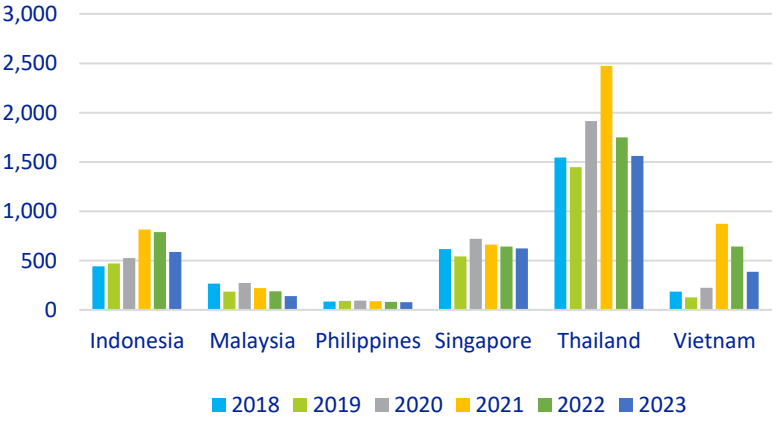
Nguồn: Bloomberg, ACBS

Tăng trưởng của VNIndex và các chỉ số trên thế giới



Nguồn: Bloomberg, ACBS

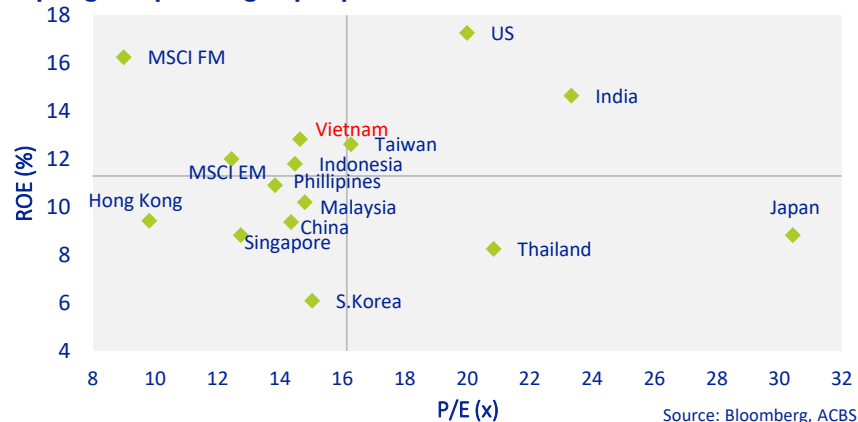
Giá trị giao dịch trung bình ngày của các thị trường ASEAN (Triệu USD)



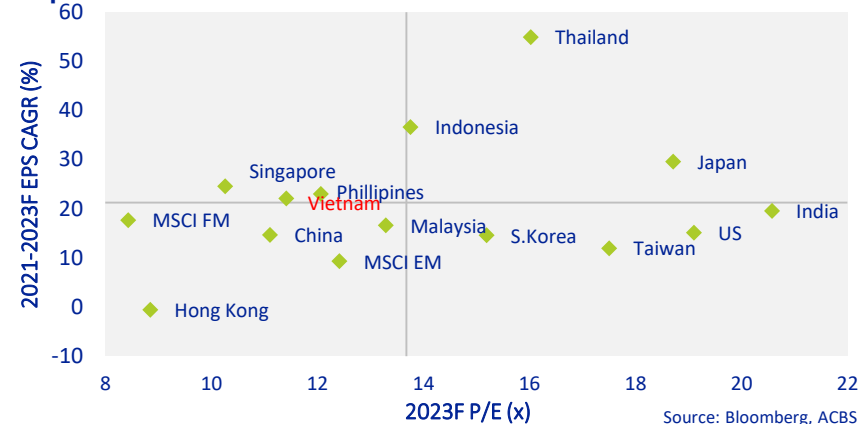
Nguồn: Bloomberg, ACBS

- ❖ Thị trường chứng khoán toàn cầu trầm lắng trong tháng Năm trong bối cảnh thời hạn trần nợ của Mỹ sắp đến gần và nền kinh tế lớn nhất châu Âu, Đức, đã công bố GDP điều chỉnh của quý I/2023 cho thấy nền kinh tế này đã bước vào thời kỳ suy thoái về mặt kỹ thuật do giá cả cao và sức tiêu dùng yếu. Ngược lại, Nikkei 225 của Nhật Bản có diễn biến tốt trong tháng Năm khi trở thành thị trường hấp dẫn nhờ nỗ lực cải cách các quy định quản trị doanh nghiệp và chính sách tiền tệ được kỳ vọng sẽ hỗ trợ thị trường chứng khoán. Chứng khoán Trung Quốc và Hồng Kông giảm trong tháng Năm khi các nhà đầu tư nước ngoài rút tiền do kỳ vọng thu nhập của doanh nghiệp yếu đi.
- ❖ Thanh khoản của VNIndex nằm trong top giảm sâu nhất trong danh sách theo dõi của chúng tôi với giá trị giao dịch trung bình hàng ngày thấp hơn 40% so với năm ngoái mặc dù đã được cải thiện trong hai tháng gần đây.

Định giá thị trường hiện tại



Expected market valuation



- P/E của VNIndex cuối tháng Năm ở mức 14,6, duy trì cao hơn mức trung bình 15,2 của các thị trường ASEAN nhưng khoảng cách P/E của VNIndex và trung bình ASEAN đang được thu hẹp sau khi VNIndex hồi phục trong tháng Năm. Chúng tôi hạ dự báo tăng trưởng EPS của VNIndex cho năm 2023 xuống 8,3% và P/E dự phóng là 11,4, thấp hơn mức trung bình 12,8 của các thị trường ASEAN. Các điều kiện chung của nền kinh tế vẫn ổn định với lãi suất và tỷ giá hối đoái ổn định, lạm phát chậm lại và duy trì dưới ngưỡng mục tiêu của chính phủ và chúng tôi nhận thấy những nỗ lực của các cơ quan quản lý nhằm tháo gỡ những khó khăn hiện tại của nền kinh tế bằng cách cắt giảm lãi suất trong bối cảnh lãi suất toàn cầu vẫn ở mức cao, phê duyệt Quy hoạch điện VIII sau hơn 2 năm bị trì hoãn. So với các thị trường khác trong danh sách theo dõi của chúng tôi, định giá của VNIndex vẫn đủ hấp dẫn để nhà đầu tư tích lũy cổ phiếu ở mức giá hợp lý. Chúng tôi kỳ vọng một số quy định quan trọng sẽ được xem xét tại kỳ họp Quốc hội tháng Năm này sẽ tác động tích cực đến đầu tư công và nhiều lĩnh vực khác như bất động sản, xây dựng, y tế, cung ứng vật liệu. Việc NHNN hạ lãi suất cơ bản ba lần kể từ đầu năm có thể tạo hiệu ứng tích cực cho thị trường chứng khoán nhờ kỳ vọng dòng tiền nhàn rỗi sẽ chuyển dịch sang thị trường chứng khoán khi lãi suất huy động giảm, lãi suất thấp cũng có thể cải thiện lợi nhuận của các công ty sử dụng nhiều nợ và thúc đẩy việc mở rộng kinh doanh nhờ tăng cường vay vốn để nắm bắt cơ hội trong bối cảnh nhu cầu yếu từ cả thị trường bên trong và bên ngoài.
- Lo ngại của nhà đầu tư hiện nay không chỉ đến từ bên ngoài với nỗi lo suy thoái do giá cả tăng cao kéo dài, bất ổn địa chính trị thế giới và sự dịch chuyển của dòng vốn đầu tư nước ngoài, mà còn từ bên trong với tình trạng thiếu điện làm gián đoạn hoạt động sản xuất và kinh doanh, đồng thời rủi ro ngắn hạn trên thị trường trái phiếu vẫn còn do lượng lớn trái phiếu doanh nghiệp đáo hạn vào quý II/2023 và quý III/2023, tuy nhiên áp lực này đang giảm dần sau khi nhiều ngân hàng đã mua lại lượng lớn trái phiếu sau khi thông tư 03/2023/TT-NHNN được ban hành.

Tóm tắt kết quả kinh doanh quý I/2023 trong VNIndex

Kinh tế vĩ mô

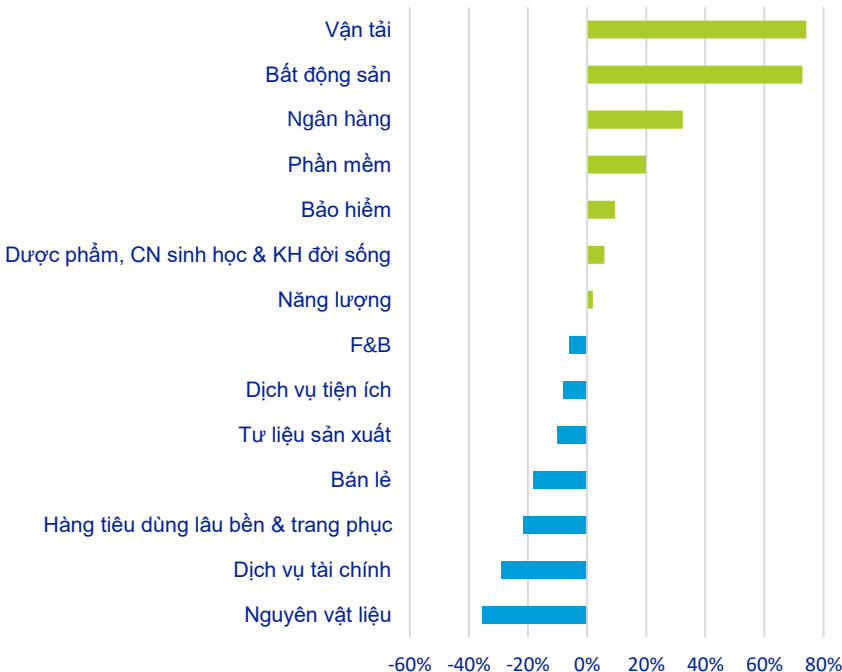
Thị trường vốn

Chủ đề thời sự

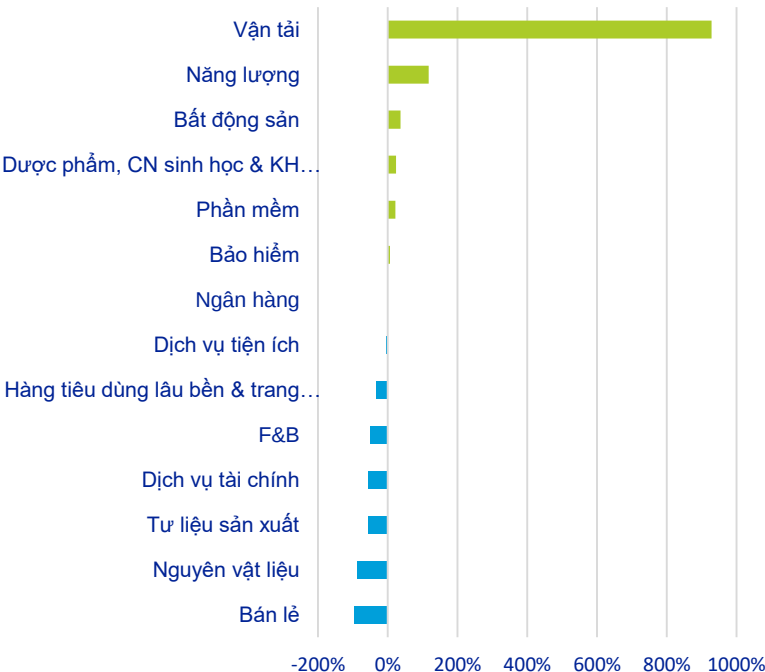
Tóm tắt ngành

Ngành	Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND)	1Q-2023		1Q-2023	
		Doanh thu (% q/q)	Lợi nhuận (% q/q)	Doanh thu (% y/y)	Lợi nhuận (% y/y)
Ngân hàng	1562.1	9.4%	20.3%	32.3%	-2.6%
Bất động sản	732.4	-11.7%	32.2%	72.8%	36.3%
F&B	455.8	-18.7%	80.2%	-6.0%	-51.8%
Nguyên vật liệu	307.2	-12.1%	401.9%	-35.3%	-87.3%
Dịch vụ tiện ích	299.7	-6.4%	-10.7%	-7.9%	-5.6%
Vận tải	158.5	3.7%	134.3%	74.2%	928.5%
Tư liệu sản xuất	167.9	-27.7%	371.0%	-10.1%	-56.0%
Dịch vụ tài chính	111.3	14.4%	378.9%	-29.2%	-54.7%
Phần mềm	92.1	-10.4%	12.5%	19.9%	21.9%
Bán lẻ	72.4	-16.6%	-95.1%	-18.1%	-97.5%
Năng lượng	69.7	-11.5%	-28.4%	1.9%	117.8%
Bảo hiểm	45.1	-2.8%	27.2%	9.4%	6.5%
Hàng tiêu dùng lâu bền & trang phục	42.1	-1.1%	22.7%	-21.7%	-32.2%
Dược phẩm, CN sinh học & KH đời sống	29.9	-13.1%	13.7%	5.8%	23.7%
Ô tô & phụ tùng	6.6	3.9%	-36.4%	-12.6%	-56.4%
Phần cứng & thiết bị công nghệ	5.7	-2.1%	-49.0%	-43.5%	-62.3%
Thương mại & dịch vụ chuyên nghiệp	6.3	26.8%	317.3%	-3.7%	-27.6%
Dịch vụ tiêu dùng	5.3	12.0%	90.3%	105.4%	164.7%
Chưa phân loại	2.7	-27.8%	70.2%	-26.8%	-228.5%
Thiết bị & dịch vụ chăm sóc sức khỏe	3.4	-27.6%	-3.0%	-36.2%	94.8%
Dịch vụ viễn thông	1.7	-86.2%	112.7%	-77.3%	-96.5%
Hàng gia dụng	1.4	-6.4%	-4.7%	2.8%	0.5%
Truyền thông & giải trí	1.1	-47.6%	-83.4%	-22.9%	-58.3%
Tổng cộng	4,180.3	-6.2%	35.6%	5.8%	-19.1%

Tăng trưởng doanh thu quý I/2023



Tăng trưởng lợi nhuận quý I/2023



Loại sự kiện	Ngày	Quốc gia	Sự kiện
Kinh tế vĩ mô	13-06-2023	Hoa Kỳ	FOMC họp và công bố dự báo kinh tế
Phái sinh	15-06-2023	Việt Nam	Ngày giao dịch cuối cùng của VN30F2306
Kinh tế vĩ mô	15-06-2023	Nhật Bản	BOJ họp chính sách tiền tệ
Kinh tế vĩ mô	15-06-2023	Châu Âu	ECB họp chính sách tiền tệ
Phái sinh	20-07-2023	Việt Nam	Ngày giao dịch cuối cùng của VN30F2307
Kinh tế vĩ mô	25-07-2023	Hoa Kỳ	FOMC họp
Kinh tế vĩ mô	27-07-2023	Nhật Bản	BOJ họp chính sách tiền tệ
Kinh tế vĩ mô	27-07-2023	Châu Âu	ECB họp chính sách tiền tệ
Index review	10-08-2023	Thế giới	MSCI Frontier Markets Indexes: Tái đánh giá hàng quý
Kinh tế vĩ mô	14-09-2023	Châu Âu	ECB họp chính sách tiền tệ
Kinh tế vĩ mô	19-09-2023	Hoa Kỳ	FOMC họp
Phái sinh	21-09-2023	Việt Nam	Ngày giao dịch cuối cùng của VN30F2309
Kinh tế vĩ mô	21-09-2023	Nhật Bản	BOJ họp chính sách tiền tệ
Tái đánh giá chỉ số	16-10-2023	Việt Nam	Tái đánh giá chỉ số VNDiamond
Kinh tế vĩ mô	26-10-2023	Châu Âu	ECB họp chính sách tiền tệ
Kinh tế vĩ mô	30-10-2023	Nhật Bản	BOJ họp chính sách tiền tệ
Kinh tế vĩ mô	31-10-2023	Hoa Kỳ	FOMC họp
Tái đánh giá chỉ số	14-11-2023	Thế giới	MSCI Frontier Markets Indexes: Đánh giá bán niên

	Triển vọng ngắn hạn ¹	Thay đổi	Triển vọng dài hạn ²	Thay đổi
Tài chính				
Ngân hàng		-		-
Bảo hiểm		-		-
Chứng khoán		-		-
Bất động sản				
Bất động sản nhà ở		-		-
BĐS khu công nghiệp		-		-
Bất động sản bán lẻ		-		-
Bất động sản nghỉ dưỡng		-		-
Hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng				
FMCG				
Dệt may		-		-
Bán lẻ		-		-
Nguyên vật liệu				
Vật liệu xây dựng		-		-
Logistics				
Vận tải đường bộ và biển		-		▼
Năng lượng				
Dầu khí		-		-
Điện		-		-
Chăm sóc sức khỏe				
Dược phẩm		-		-

Logistics: Chúng tôi hạ triển vọng dài hạn từ Tích cực xuống Trung lập do triển vọng hoạt động xuất nhập khẩu suy giảm trong bối cảnh kinh tế toàn cầu giảm tốc và tác động tiêu cực đến hoạt động thương mại toàn cầu.

¹ Dưới 3 tháng
² Trên 1 năm

Tích cực Trung tính Tiêu cực

Triển vọng ngành

Ngành:	TÀI CHÍNH	Phân ngành:	NGÂN HÀNG	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	VCB, CTG, TCB, MBB, STB
--------	-----------	-------------	-----------	----------------------	-----------	---------------------	----------	---------------	-------------------------

Tổng quan ngành

- Đến 27/4/2023, tín dụng tăng trưởng 3,04%. Thanh khoản hệ thống ngân hàng ổn định tạo điều kiện cho NHNN giảm các mức lãi suất điều hành từ 0,5-1% kể từ đầu năm đến nay. Định hướng chính sách tiền tệ theo hướng nói lỏng hỗ trợ nền kinh tế vốn đang chịu sức ép từ vĩ mô trong nước và quốc tế.
- Kết quả kinh doanh Q1/23 của ngành ngân hàng suy yếu theo diễn biến chung của nền kinh tế. Thống kê cho thấy tổng lợi nhuận trước thuế Q1/23 của các ngân hàng trong VN-Index giảm 3,9% n/n và tăng 21,5% q/q.
- Thu nhập lãi thuần tiếp tục là trụ cột đóng góp chính vào KQKD của các ngân hàng, tăng trưởng 14,1% n/n. NIM giảm nhẹ 4 điểm cơ bản n/n nhưng giảm 16 điểm cơ bản q/q do kỳ điều chỉnh lãi suất cho vay chậm hơn lãi suất huy động.
- Thu nhập ngoài lãi sụt giảm mạnh 22,2% n/n do các hoạt động kinh doanh ngoại hối, chứng khoán, dịch vụ IB, banca và thu hồi nợ xấu ngoại bằng đều gặp khó khăn.
- Chất lượng tài sản suy giảm mạnh trong Q1/23. Tỷ lệ nợ xấu tăng 30 điểm cơ bản q/q lên mức 1,77%, tỷ lệ nợ nhóm 2 tăng 68 điểm cơ bản q/q lên 2,48%.
- Nợ quá hạn tăng cao trong khi các ngân hàng chủ động trích lập dự phòng ở mức vừa phải để bảo vệ lợi nhuận. Điều đó khiến bộ đệm dự phòng của các ngân hàng tiếp tục bị bào mòn, tỷ lệ bao phủ nợ xấu giảm xuống 118% từ mức 138% ở cuối quý trước.

Triển vọng

- Định hướng tăng trưởng tín dụng cho năm 2023 của NHNN ở mức 14-15%. Tăng trưởng tín dụng dự báo sẽ khó khăn hơn trong năm 2023 do lãi suất cho vay đang ở mức cao và nền kinh tế có suy yếu khiến nhu cầu tín dụng giảm xuống.
- Lãi suất huy động tiếp tục xu hướng giảm sẽ hỗ trợ cho NIM của các ngân hàng trong những quý sắp tới.
- Chi phí dự phòng dự báo sẽ ở mức cao trong những quý tới do nợ xấu có thể tiếp tục tăng do nền kinh tế suy yếu và bộ đệm dự phòng của các ngân hàng không còn dày như trước.
- Chúng tôi kỳ vọng lợi nhuận năm 2023 của các ngân hàng sẽ tăng trưởng 10%, thấp hơn so với mức tăng trưởng 35% của năm 2022. Các ngân hàng có quản trị rủi ro tốt và/hoặc bộ đệm dự phòng dày như VCB, BID, CTG, ACB và STB có thể giữ được mức tăng trưởng lợi nhuận cao hơn mức trung bình ngành.

Triển vọng ngành

Ngành:	TÀI CHÍNH	Phân ngành:	BẢO HIỂM	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	BVH, PVI
Tổng quan ngành						Triển vọng			
- Theo Hiệp hội Bảo hiểm Việt Nam, năm 2021, tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường ước đạt 159.458 tỷ đồng, tăng 22% so với năm trước bất chấp tình hình giãn cách xã hội do dịch bệnh. Trong đó, tổng doanh thu phí bảo hiểm khai thác mới ước đạt 49.549 tỷ đồng, tăng trưởng 18,5%. Việc đẩy mạnh số hóa và tăng cường liên kết với các ngân hàng giúp doanh số bảo hiểm duy trì mức tăng trưởng cao. - Trong 9T2022, tổng doanh thu phí bảo hiểm nhân thọ ước đạt 127.511 tỷ đồng, tăng 16,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, phí bảo hiểm nhân thọ khai thác mới chỉ tăng 6,35%, đạt 37.677 tỷ đồng. - Đối với mảng bảo hiểm phi nhân thọ, tổng doanh thu phí năm 2021 ước đạt 57.880 tỷ đồng, tăng trưởng 3,98% so với năm trước, thấp hơn so với mức tăng trưởng 6,63% của năm 2020. - Trong 9T2022, tổng doanh thu phí bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 49.792 tỷ đồng, tăng 19,1% so với cùng kỳ. Mức tăng trưởng cao này dự báo sẽ tiếp tục duy trì trong cuối năm 2022 khi nền kinh tế mở cửa trở lại sau đại dịch, cùng với những ưu đãi về chính sách của Chính phủ.						- Lãi suất có xu hướng giảm mạnh trong thời gian gần đây, điều này sẽ làm giảm thu nhập từ tiền gửi ngân hàng của các công ty bảo hiểm. Ngoài ra, trích lập dự phòng toán học tăng lên sẽ tác động tiêu cực đến lợi nhuận của các công ty bảo hiểm nhân thọ. - Về triển vọng dài hạn, thị trường bảo hiểm nhân thọ của Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng. Tỷ lệ dân số có bảo hiểm nhân thọ đến cuối năm 2021 mới chỉ đạt 11%. Chúng tôi kỳ vọng tốc độ tăng trưởng doanh số bảo hiểm nhân thọ trong 5 năm tới đạt 15%/năm. Tuy nhiên, mức độ cạnh tranh trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ ngày càng lớn với sự xâm nhập của các công ty bảo hiểm nước ngoài. - Đối với mảng bảo hiểm phi nhân thọ, chúng tôi kỳ vọng doanh số ngành bảo hiểm phi nhân thọ sẽ có tốc độ tăng trưởng ở mức 1 chữ số mỗi năm trong 5 năm tới.			

Triển vọng ngành								
Ngành:	TÀI CHÍNH	Phân ngành:	CHỨNG KHOÁN	Triển vọng ngắn hạn:	TÍCH CỰC	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu: SSI, HCM, VCI, VND
Tổng quan ngành						Triển vọng		
- Lĩnh vực môi giới chứng khoán tại Việt Nam vẫn còn nhiều tiềm năng tăng trưởng với tốc độ cao. Số lượng tài khoản mở mới trong năm 2022 đạt 2,6 triệu tài khoản, gấp gần 2 lần năm 2021. Chính phủ đặt mục tiêu nâng tỷ lệ người dân tham gia thị trường chứng khoán lên 5% vào năm 2025 và 10% vào năm 2030. - Thị trường phục hồi chậm và thanh khoản duy trì ở mức thấp khiến kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán vẫn còn chịu nhiều áp lực. - Trong ngắn và trung hạn, việc giảm lãi suất điều hành cũng như lãi suất huy động của NHNN sẽ có tác động tích cực lên thị trường chứng khoán cũng như kết quả kinh doanh của các công ty chứng khoán.						- Thị trường vốn của Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn phát triển và còn nhiều tiềm năng tăng trưởng, đặc biệt là lĩnh vực tư vấn phát hành trái phiếu doanh nghiệp, qua đó mở ra nhiều cơ hội từ mảng kinh doanh giàu tiềm năng này cho các công ty chứng khoán. - Lĩnh vực môi giới chứng khoán mặc dù có nhiều dư địa tăng trưởng nhưng đồng thời có mức độ cạnh tranh rất cao. Tại Việt Nam có rất nhiều công ty chứng khoán trong khi sản phẩm ít có sự khác biệt.		

Triển vọng ngành								
Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN NHÀ Ở	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu: VHM, KDH, NLG
Tổng quan ngành						Triển vọng		
- Thị trường Q1/23 ghi nhận sự sụt giảm mạnh về nguồn cung và doanh số do thị trường BĐS gặp nhiều khó khăn như lãi suất cao, thanh khoản thấp, nguồn cung hạn chế, ... - Trong Q1/23, TP.HCM mở bán 2.900 căn hộ mới (tăng gấp đôi cùng kỳ năm ngoái) và bán được 960 căn hộ (-23% n/n). Giá bán sơ cấp trung bình đi ngang quanh mức 2.500 USD/m2. Không có nguồn cung mới trong phân khúc nhà liền thổ và chỉ có 45 căn được bán ra trong Q1/23. - Trong Q1/23, Hà Nội chào đón nguồn cung mới gần 2.000 căn hộ (-44% n/n), thấp nhất kể từ Q1/20 và bán hơn 2.000 căn (-58% n/n). Giá bán sơ cấp trung bình tăng 20% theo năm, đạt 1.992 USD/m2. Thị trường nhà liền thổ chào đón 1.250 căn mới, bằng 1/5 so với Q4/22 và bán được 1.130 căn, tương đương Q4/22. - NHNN phê duyệt gói tín dụng 120.000 tỷ đồng cho nhà ở xã hội và nhà ở cho công nhân. - NHNN đề xuất dự thảo sửa đổi Thông tư 16 về việc tổ chức tín dụng mua bán trái phiếu doanh nghiệp, trong đó đề xuất cho phép ngân hàng mua lại trái phiếu doanh nghiệp đến ngày 31/12/2023 sẽ tăng thanh khoản trên thị trường trái phiếu – nguồn vốn lớn thứ hai cho ngành BĐS. - Nghị định số 10/2023/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai và sẽ được áp dụng từ ngày 20/5/2023. Một os61 điểm nổi bật là cho phép cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho người mua các dự án kinh doanh BĐS không phải dự án phát triển nhà ở. Qua đó, rút ngắn thời gian tính tiền sử dụng đất và thời gian giao đất, v.v. Nghị định này có tác động tích cực đến tâm lý thị trường, đẩy nhanh quá trình phát triển dự án, giúp hồi phục nguồn cung thị trường BĐS và niềm tin của người mua nhà.						- Thách thức chính: tín dụng bị kiểm soát chặt chẽ, thị trường trái phiếu doanh nghiệp khó khăn, quá trình phê duyệt dự án chậm, lãi suất cao. Hoạt động đầu cơ tài sản khiến chi phí giải phóng mặt bằng ở mức cao, gây khó khăn cho việc phát triển các dự án mới. - Nguồn cung mới hạn chế, trong đó đa số là sản phẩm của phân khúc cao cấp. - Giá bán dự kiến đi ngang hoặc giảm. - Chủ đầu tư dự kiến sẽ đưa ra những gói hỗ trợ hấp dẫn hơn để kích cầu.		

Triển vọng ngành

Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN KHU CÔNG NGHIỆP	Triển vọng ngắn hạn:	TÍCH CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	KBC, SIP, IDC
--------	--------------	-------------	---------------------------------	----------------------	----------	---------------------	----------	---------------	---------------

Tổng quan ngành

- **Thị trường phía Bắc:** Tính đến cuối Q1/23, nguồn cung đất công nghiệp khu vực 1 (bao gồm Hà Nội, Hải Phòng, Bắc Ninh, Hải Dương, Hưng Yên) đạt khoảng 15.500 ha nhờ có thêm 3 KCN mới với tổng diện tích 528ha ở Bắc Ninh và Hải Dương, dẫn đến tỷ lệ lấp đầy trung bình giảm nhẹ xuống 80,6% (-2,2 điểm % q/q). Giá cho thuê trung bình ở mức 123USD/m2/thời hạn thuê còn lại (+2% q/q) trong đó Bắc Ninh và Hải Dương ghi nhận mức tăng cao nhất là 3-5%.
- **Thị trường phía Nam:** Tính đến cuối Q1/23, nguồn cung đất công nghiệp khu vực 1 (bao gồm TP.HCM, Bình Dương, Đồng Nai, Long An) đạt 32.432 ha nhờ thêm KCN Nam Tân Uyên Giai đoạn 3 mở rộng 346ha. Tỷ lệ lấp đầy đạt 85% và giá thuê tăng 9% n/n lên 173 USD/m2/thời hạn thuê còn lại.
- Một số khách thuê cắt giảm nhân sự và giờ làm do nhận được ít đơn đặt hàng hơn.
- FDI đăng ký 5 tháng đầu năm 2023 giảm 7% n/n xuống 10,9 tỷ USD.
- Theo dự thảo Nghị quyết mới thay thế Nghị quyết 54, TP.HCM đưa ra phương án Ban Quản lý Khu Công nghệ cao TP.HCM và Ban quản lý Các khu chế xuất và công nghiệp TP.HCM (Hepza) được quyền phê duyệt, điều chỉnh nhiệm vụ, đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng 1/500 trong phạm vi các Khu để rút ngắn thời gian hoàn thiện hồ sơ pháp lý dự án.

Triển vọng

- Hưởng lợi từ xu hướng mở rộng/di dời/đa dạng hóa cơ sở sản xuất của các tập đoàn đa quốc gia.
- Bị ảnh hưởng bởi nhu cầu thế giới suy giảm.
- Dự kiến nguồn cung đất công nghiệp ở phía Bắc nhiều hơn phía Nam nhờ cơ sở hạ tầng phát triển.
- KCN thông minh, KCN sinh thái, sản phẩm có thể linh hoạt chuyển đổi giữa nhà xưởng và nhà kho, nhà xưởng/nhà kho nhiều tầng sẽ ngày càng phổ biến.
- Giá thuê có thể sẽ tiếp tục tăng nhưng với tốc độ chậm hơn.
- Hoạt động đầu cơ tài sản làm tăng chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng.

Tóm tắt ngành: Bất động sản bán lẻ & nghỉ dưỡng

Kinh tế vĩ mô

Thị trường vốn

Chủ đề thời sự

Tóm tắt ngành

Triển vọng ngành

Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN BÁN LẺ	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	VRE
--------	--------------	-------------	---------------------	----------------------	-----------	---------------------	-----------	---------------	-----

Tổng quan ngành

- Không có nguồn cung mới ở TP.HCM và Hà Nội.
- **TP.HCM:** Trong Q1/23, giá thuê ổn định ở mức 224 USD/m2/tháng tại khu vực trung tâm và 41 USD/m2/tháng tại khu vực ngoài trung tâm; tỷ lệ trống là 6,0% (+2,5 điểm % n/n) tại khu vực trung tâm và 10,7% (-3 điểm % n/n) tại khu vực ngoài trung tâm.
- **Hà Nội:** Trong Q1/23, giá thuê đi ngang ở mức 144 USD/m2/tháng tại khu vực trung tâm và 27 USD/m2/tháng tại khu vực ngoài trung tâm; tỷ lệ trống ổn định ở mức 4,8% (-8,1 điểm % n/n và không đổi theo quý) tại khu vực trung tâm và 14,7% (-2,1 điểm % n/n và +1,1 điểm % q/q) tại khu vực ngoài trung tâm.

Triển vọng

- Nguồn cung mới dự kiến sẽ cải thiện.
- Tỷ lệ lấp đầy dự kiến đi ngang.
- Người tiêu dùng thích ứng nhanh chóng với mua sắm trực tuyến trong thời kỳ đại dịch có thể hạn chế sự phát triển của phân khúc này.
- Nỗi lo về lạm phát và lãi suất có thể ảnh hưởng đến nhu cầu mua sắm hàng hóa không thiết yếu.

Ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN	Phân ngành:	BẤT ĐỘNG SẢN NGHỈ DƯỠNG	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	CEO, NVL
--------	--------------	-------------	-------------------------	----------------------	-----------	---------------------	-----------	---------------	----------

Tổng quan ngành

- Thị trường Q1/23 chứng kiến sự sụt giảm mạnh về nguồn cung mới và tỷ lệ hấp thụ.
- Có 42 biệt thự biển (tương đương 4% Q1/22), 21 nhà phố/shophouse (tương đương 1% Q1/22) và 198 condotel (-69 n/n) được mở bán trong Q1/23 với tỷ lệ hấp thụ lần lượt là 21% (-35 đpt n/n), 57% (-27 đpt n/n) và 3% (-34 đpt n/n)
- Thị trường tín dụng bị kiểm soát chặt chẽ có thể khiến các dự án nghỉ dưỡng gặp khó khăn trong việc đảm bảo nguồn tài chính cho các dự án sắp tới.
- Nghị định 10/2023/NĐ-CP cho phép cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản là đất trong các dự án không phải là nhà ở. Như vậy, người mua biệt thự biển và các bất động sản nghỉ dưỡng khác sẽ được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Điều này có tác động tích cực đến thị trường.

Triển vọng

- Nguồn cung mới dự kiến giảm.
- Tỷ lệ hấp thụ dự kiến thấp.
- Hưởng lợi từ việc Trung Quốc mở cửa trở lại.
- Nhu cầu du lịch bị ảnh hưởng bởi nỗi lo về lạm phát và suy thoái kinh tế.

Triển vọng ngành								
Ngành:	HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG	Phân ngành:	FMCG	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu: SAB, MSN, VNM
Tổng quan ngành						Triển vọng		
- Thực phẩm tươi và hàng tiêu dùng nhanh chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chi tiêu của người tiêu dùng (trước COVID-19: 26,8% trong năm 2019 theo số liệu của Kantar). - Duy trì tăng trưởng ổn định trước COVID-19 nhờ tăng trưởng thu nhập bình quân đầu người và niềm tin người tiêu dùng. Kinh tế vĩ mô ổn định cũng đóng góp vào sự tăng trưởng của ngành này. - Tuy bị ảnh hưởng của COVID-19, mức chi tiêu hàng tháng cho hàng tiêu dùng nhanh cũng tăng trưởng ổn định trong 5 năm vừa qua. - Trong khi hậu quả do việc gián đoạn trong chuỗi cung ứng toàn cầu do Covid-19 gây ra vẫn chưa được khắc phục hoàn toàn, những tác động tiêu cực thêm từ cuộc chiến ở Ukraine đã đẩy giá hàng hóa lên cao hơn nữa. Điều này cùng với những tác động từ các chính sách tiền tệ đã khiến lạm phát tăng cao trên toàn cầu. Tuy vậy, CPI của Việt Nam vẫn nằm trong kế hoạch do Chính phủ đề ra cho thấy lạm phát vẫn còn kiểm soát được. Dù vậy, Lạm phát sẽ là một trong những rủi ro quan trọng trong giai đoạn tới cần phải lưu ý.						- Đối với năm 2023, tình hình kinh tế vĩ mô xấu đi đã ảnh hưởng tiêu cực đến các công ty trong ngành cụ thể là ngành hàng tiêu dùng không thiết yếu. Trong khi đó, ngành hàng tiêu dùng thiết yếu vẫn duy trì KQKD trước những khó khăn từ điều kiện vĩ mô. KQKD Q1 của SAB giảm 15% trong khi KQKD của MCH và VNM lần lượt giảm nhẹ 3% và đi ngang. - Trong ngắn hạn, tình hình kinh tế vĩ mô sẽ tiếp tục là yếu tố chính ảnh hưởng đến các công ty trong ngành đặc biệt là công ty ngành hàng tiêu dùng không thiết yếu. - Tuy vậy, triển vọng dài hạn vẫn được hỗ trợ bởi các yếu tố nền kinh tế đang phát triển, dân số lớn, trẻ và ưa thích kết nối, quá trình đô thị hóa, thu nhập gia tăng và mức sống cao hơn, tầng lớp trung lưu mở rộng.		

Triển vọng ngành								
Ngành:	HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG	Phân ngành:	DỆT MAY	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu: MSH, STK, TCM, TNG
Tổng quan ngành					Triển vọng			
- Một trong những trụ cột xuất khẩu quan trọng, đóng góp ~ 12% vào tổng giá trị xuất khẩu của Việt Nam. - Sự phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu (vd: Trung Quốc) là vấn đề trăn trở đối với các thành viên trong ngành trong nhiều năm qua bất kể nhiều nỗ lực nhằm tăng tỷ lệ nội địa hóa. - Mỹ, các nước CPTPP và EU là những khách hàng lớn nhất. Việt Nam là một trong số các quốc gia có thị phần xuất khẩu hàng dệt may vào Mỹ gia tăng trong những năm gần đây trong khi thị phần của Trung Quốc có xu hướng giảm. - Gia công theo hình thức CMT vẫn là loại đơn hàng phổ biến nhất mà các nhà sản xuất Việt Nam nhận được, tuy nhiên, ngày càng nhiều nhà sản xuất cố gắng tiếp cận các loại đơn hàng cao hơn (vd: FOB) trong chuỗi giá trị của ngành để nâng cao biên lợi nhuận. - Giá trị xuất khẩu dệt may năm 2022 được ước tính sơ bộ đạt 45 tỷ USD, tăng 10% n/n, chủ yếu nhờ tăng trưởng tích cực trong những tháng đầu năm do nhu cầu hồi phục sau đại dịch. Tuy nhiên, ngành cũng chứng kiến những tác động bất lợi lên chuỗi cung ứng và giá nguyên vật liệu tăng do chi phí vận chuyển tăng, căng thẳng giữa Nga và Ukraine kéo dài, chính sách “zero COVID” của Trung Quốc, v.v. Quan trọng hơn, tình trạng đơn hàng sụt giảm trong nửa sau năm 2022 do bất ổn về kinh tế tại một số quốc gia nhập khẩu lớn đã khiến triển vọng nửa sau của năm 2022 và có thể 2023 kém khả quan.					- Số lượng đơn hàng sụt giảm và đơn giá thấp do nhu cầu yếu ở các nước nhập khẩu được dự đoán sẽ còn tiếp tục trong 6T2023. Ngoài ra, các công ty sản xuất dệt may Việt Nam còn đối mặt với sức ép gia tăng về việc đáp ứng các yêu cầu phát triển xanh, bền vững từ đối tác nhập khẩu. Trong năm 2023, ngành dệt may Việt Nam đề ra hai kịch bản tăng trưởng gồm kịch bản tích cực có thể đạt giá trị xuất khẩu là 47-48 tỷ USD với kỳ vọng nhu cầu hồi phục trong nửa sau năm 2023 và 45-46 tỷ USD cho kịch bản còn lại kém tích cực hơn. - Trong viễn cảnh dài hơn, chúng tôi kỳ vọng ngành dệt may Việt Nam sẽ tiếp tục vai trò không chỉ là trụ cột quan trọng trong xuất khẩu của cả nước mà còn là nhà xuất khẩu dệt may lớn trên thế giới. Việt Nam được xem là một trong những địa điểm sản xuất hấp dẫn với chi phí lao động thấp và lực lượng lao động lớn. - Lợi thế về chi phí lao động có thể không bền vững khi nhiều đối thủ khác đang nổi lên, do đó, ngành cần có những bước tiến mạnh mẽ hơn về cải thiện tỷ lệ giá trị gia tăng, giảm phụ thuộc vào nguồn cung Trung Quốc/nguyên liệu nhập khẩu (mà vẫn phải đảm bảo an toàn môi trường), tăng sản phẩm có tỷ suất lợi nhuận cao hơn, v.v			

Triển vọng ngành								
Ngành:	HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ TIÊU DÙNG	Phân ngành:	BÁN LẺ	Triển vọng ngắn hạn:	TIÊU CỰC	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu: MWG, FRT, PNJ
Tổng quan ngành						Triển vọng		
- Là thành phần quan trọng góp phần quan trọng vào sự tăng trưởng kinh tế. - Thị trường năng động với sự tham gia của đông đảo tên tuổi trong và ngoài nước. - Mặc dù kênh thương mại truyền thống vẫn chiếm tỷ lệ áp đảo nhưng xu hướng bán lẻ hiện đại và bán hàng trực tuyến ngày càng chứng tỏ sức mạnh của mình. Trong xu thế đó, hàng loạt chuỗi bán lẻ - với nhiều mặt hàng khác nhau từ FMCG, thiết bị công nghệ, thiết bị gia dụng, thời trang đến phụ kiện cá nhân, thực phẩm ăn uống v.v. - đã nở rộ tại Việt Nam. - Các công ty bán lẻ niêm yết ghi nhận tăng trưởng doanh thu khả quan nhờ nhu cầu hồi phục trong những tháng đầu năm và nền thấp trong Q3/2021, như MWG (+18% n/n trong 9T2022), FRT (+55% n/n trong 9T2022) và PNJ (+104% n/n trong 9T2022). Tuy nhiên, sức mua suy yếu trong bối cảnh kinh tế khó khăn khiến hầu hết các công ty có kết quả kinh doanh trong Q4/2022 và Q1/2023 kém khả quan (doanh thu MWG: -26% n/n trong Q1/2023, PNJ: -3,8% n/n trong Q1/2023, FRT: +0% n/n trong Q1/2023). Các công ty tiếp tục giữ quan điểm thận trọng về triển vọng kinh doanh trong 2023 (ít nhất là 6T2023), bởi những lo ngại về sự ổn định của thu nhập/việc làm trong bối cảnh kinh tế khó khăn hơn và tình trạng sa thải ở nhiều công ty có thể khiến người tiêu dùng cân nhắc nhiều hơn trước các quyết định chi tiêu.						- Triển vọng ngành được kỳ vọng sẽ tốt hơn từ nửa cuối năm 2023 với nhiều dự phóng cho thấy bức tranh kinh tế có thể lạc quan hơn trong giai đoạn này. - Triển vọng dài hạn được hỗ trợ bởi các yếu tố như nền kinh tế đang phát triển, dân số lớn, trẻ và ưa thích kết nối, quá trình đô thị hóa, thu nhập gia tăng và mức sống cao hơn, tầng lớp trung lưu mở rộng. - Bán hàng trực tiếp tại cửa hàng sẽ vẫn là một kênh quan trọng nhưng bán hàng trực tuyến cũng ngày càng khẳng định vai trò của mình, trở nên phổ biến hơn với nhiều người tiêu dùng ngay cả sau khi dịch bệnh COVID-19 đã hạ nhiệt. Theo đó, hoạt động bán hàng đa kênh ngày càng trở thành một phần không thể thiếu trong chiến lược kinh doanh của các công ty.		

Triển vọng ngành

Ngành:	NGUYÊN VẬT LIỆU	Phân ngành:	VẬT LIỆU XÂY DỰNG	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	HPG, HSG, HT1, KSB
--------	-----------------	-------------	-------------------	----------------------	-----------	---------------------	-----------	---------------	--------------------

Tổng quan ngành

- Giá thép xây dựng toàn cầu đã rơi xuống dưới mức 500 USD/tấn trong những ngày cuối tháng 5, chạm ngưỡng thấp nhất trong 3 tháng. Giá thép nội địa cũng đang có xu hướng giảm kể từ đầu tháng 5 khi giá nguyên liệu đầu vào giảm, nguyên nhân do nhu cầu nguyên liệu thô dùng cho sản xuất thép thế giới sụt giảm mạnh. Chi phí sản xuất có xu hướng giảm trong bối cảnh nhu cầu nội địa yếu khiến cho giá bán thép trong nước quay đầu giảm.
- Cơ sở hạ tầng ở Trung Quốc có thể sẽ khiến tăng trưởng thấp hơn do chi tiêu vào đầu tư cơ sở hạ tầng, cộng với sự trì trệ trong phục hồi ngành BĐS nước này đến cuối năm 2023, chịu ảnh hưởng bởi nợ tăng cao và doanh số bán đất giảm, ảnh hưởng đến các loại thuế liên quan đến bất động sản. Do đó, sự phục hồi của nhu cầu thép Trung Quốc có thể chậm hơn dự kiến.
- Sản lượng bán thép xây dựng tại Việt Nam vẫn tăng trưởng âm so với cùng kỳ do ngành bất động sản vẫn chưa có dấu hiệu phục hồi mạnh.
- Giá than luyện cốc và giá quặng sắt biến động trong thời gian gần đây có thể ảnh hưởng đến biên lợi nhuận gộp của các doanh nghiệp sản xuất thép trong khi nguồn cung từ Australia và Brazil rất bất ổn. Mặc dù giá than cốc và quặng sắt đang giảm, nhưng do các doanh nghiệp thép có thời gian hàng tồn kho cao, nên có thể bị ảnh hưởng bởi lượng nguyên liệu đã mua giá cao trước đó.

Triển vọng

- Giai đoạn khó khăn đối với các nhà sản xuất thép dự kiến sẽ còn kéo dài trong thời gian tới khi thị trường bất động sản vẫn trong tình trạng khó khăn với tín dụng thắt chặt và lãi suất ngày càng tăng.
- Trong bối cảnh giảm điểm của thị trường thép Việt Nam, có một số điểm sáng cho các ông lớn thép trong nước, khi họ đang dần giành thị phần từ các ông lớn thép nhỏ, như Hòa Phát đã tăng thị phần từ 32% năm 2021 lên 36,2%. năm 2022 các nhà sản xuất thép khác như Nam Kim, thép VN hay Đông Á cũng tăng thị phần thêm 1-2% trong năm 2022.
- Triển vọng trung hạn cho vật liệu xây dựng vẫn mờ mịt khi Trung Quốc vẫn đối mặt với rủi ro thị trường bất động sản phục hồi chậm, ảnh hưởng đến mặt bằng thị trường thép mặc dù chính phủ Trung Quốc đã tung ra gói tín dụng để hỗ trợ các dự án xây dựng hiện tại nhưng hoạt động xây dựng vẫn được báo cáo là thấp. Hiện tại đầu tư công vẫn đang là động lực chính dẫn dắt ngành thép cho đến cuối năm 2023.

Triển vọng ngành

Ngành:	LOGISTICS	Phân ngành:	VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ, ĐƯỜNG BIỂN	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	GMD, TCL, VSC
--------	-----------	-------------	------------------------------	----------------------	-----------	---------------------	-----------	---------------	---------------

Tổng quan ngành

- Chỉ số Cước vận tải toàn cầu giảm xuống mức dưới 1380 điểm (-3.5% MoM). Chỉ số cước vận tải biển toàn cầu tiếp tục giảm cho thấy nhu cầu vận tải biển toàn cầu đang giảm trong khi triển vọng kinh tế toàn cầu vẫn chưa rõ ràng.
- Chỉ số vận tải container quốc tế giảm 3.5% trong tháng 5 do hoạt động thương mại quốc tế chậm lại, chủ yếu đến từ Trung Quốc và các nền kinh tế lớn, cho thấy sức tiêu thụ toàn cầu vẫn eo hẹp.
- Mặc dù Trung Quốc đã mở cửa trở lại nền kinh tế nhưng tác động đối với nền kinh tế toàn cầu vẫn chưa được thể hiện trên thị trường logistic toàn cầu. Giá cho các dịch vụ vận chuyển toàn cầu vẫn đang trong xu hướng giảm, có nghĩa là lưu lượng giao dịch toàn cầu thấp hơn.
- Tình trạng chậm phê duyệt tại biên giới đất liền Việt Nam - Trung Quốc đã được giải quyết một phần. Mặc dù Trung Quốc vẫn chưa mở cửa hoàn toàn biên giới khi dịch bệnh vẫn còn ảnh hưởng một phần nhưng việc mở cửa một phần biên giới Việt - Trung có thể hỗ trợ xuất khẩu trái cây Việt Nam, qua đó giúp đẩy mạnh hoạt động vận tải đường bộ.

Triển vọng

- Mặc dù thương mại toàn cầu suy yếu, thương mại Việt Nam tháng 5 đã phục hồi nhẹ ở mức 4.5% so với tháng trước (-14.5% so với cùng kỳ năm trước).
- Sau 5 tháng, tổng giá trị xuất nhập khẩu Việt Nam đã giảm 14% so với cùng kỳ năm 2022.
- Việc xuất nhập khẩu suy giảm có thể ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của ngành.
- Nhiều khả năng chỉ tiêu tăng trưởng tổng kim ngạch xuất khẩu 6% mà bộ công thương đề ra sẽ khó có thể đạt được, khi mà thị trường của sản phẩm xuất khẩu lớn nhất là điện thoại di động đang suy yếu, cụ thể kim ngạch xuất khẩu của nhóm hàng điện thoại di động sau 5 tháng đã giảm hơn 16%.

Triển vọng ngành

Ngành:	NĂNG LƯỢNG	Phân ngành:	DẦU KHÍ	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	GAS, PVD, PVS, PLX
--------	------------	-------------	---------	----------------------	-----------	---------------------	-----------	---------------	--------------------

Tổng quan ngành

- Sau khi bật tăng mạnh vào đầu tháng 4 nhờ quyết định cắt giảm sản lượng của OPEC hơn 1,1 triệu thùng/ ngày, giá dầu Brent đã điều chỉnh giảm và dao động trong biên độ thấp hơn 70-80 USD/thùng trong tháng 5 trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu bất ổn trước lo ngại suy thoái kinh tế thế giới.
- Trong tháng 6, các nhà sản xuất OPEC+ vừa đồng ý gia hạn mức cắt giảm sản lượng đã thông báo vào tháng 4, đến hết năm 2024 trong khi Saudi cũng cam kết cắt giảm thêm 1 triệu thùng/ngày trong 1 tháng bắt đầu từ tháng 7. Tuy nhiên, lo ngại ngày về nhu cầu/suy thoái kinh tế toàn cầu đã nhanh chóng làm lu mờ tác động tích cực dự kiến của quyết định này.
- Giá dầu Brent trung bình dự kiến sẽ giảm xuống 85 USD/thùng vào năm 2023. Do đó, giá dầu giảm sẽ kéo giá bán khí của (HSX: GAS). Hơn nữa, giá dầu biến động mạnh như hiện nay có thể gây tác động tiêu cực đến (HSX: PLX) do PLX phải duy trì lượng hàng tồn kho tối thiểu 20 ngày để đáp ứng nhu cầu trong nước và đảm bảo an ninh năng lượng quốc gia. Mặt khác, việc chậm triển khai các dự án dầu khí mới sẽ tiếp tục gây áp lực lớn lên khối lượng công việc cho mảng Cơ khí & Xây lắp của (HNX: PVS).
- Ngoài ra, trữ lượng dầu khai thác của nước ta đang trong quá trình suy giảm. Hầu hết các mỏ dầu lớn giá rẻ đều đã được khai thác trong một thời gian dài và hiện đang trong giai đoạn cuối trong khi các vị trí dự kiến phát triển mới đa số là mỏ nhỏ. Việc thiếu các hoạt động thăm dò do giá dầu thấp trong những năm vừa qua đã dẫn đến sự sụt giảm lớn trong việc gia tăng trữ lượng dầu khí của Việt Nam từ 2016.

Triển vọng

- Đối với cả năm 2023, nhu cầu dầu mỏ dự kiến sẽ đi ngang do lo ngại ngày càng tăng về nhu cầu/suy thoái kinh tế toàn cầu sau khi tăng tốt nhờ sự phục hồi của các hoạt động kinh tế, nhu cầu vận tải và tiến độ tiêm chủng vào năm 2022. Hơn nữa, mặc dù Trung Quốc bắt đầu mở cửa trở lại cho du lịch quốc tế từ tháng 1/2023, tác động tích cực từ diễn biến này lên nhu cầu dầu mỏ có thể chậm do số ca lây nhiễm và tử vong ở Trung Quốc vẫn đang gia tăng.
- Về phía cung, nguồn cung dầu vẫn bị thắt chặt do các biện pháp trừng phạt hiện tại và sắp tới đối với dầu thô + sản phẩm lọc hóa dầu Nga của Mỹ, Anh và EU sẽ tiếp tục gây ra áp lực lớn
- Tuy nhiên, các lệnh trừng phạt lên dầu thô Venezuela có thể được xem xét dỡ bỏ. Sản lượng dầu thô từ Mỹ và các nước ngoài OPEC dự kiến cũng sẽ tăng trở lại từ 2023. Nhờ đó mà các căng thẳng về nguồn cung sẽ dần được cải thiện.

⇒ Giá dầu Brent trung bình dự kiến sẽ giảm xuống 85 USD/thùng

Rủi ro

- Suy thoái kinh tế thế giới + Biến thể COVID mới làm giảm nhu cầu dầu khí
- Áp dụng các lệnh trừng phạt lên nguồn dầu khí từ Nga
- Lo ngại về biến đổi khí hậu, doanh số ô tô điện và việc gia tăng đầu tư vào năng lượng xanh.

Triển vọng ngành

Ngành:	NĂNG LƯỢNG	Phân ngành:	ĐIỆN	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TÍCH CỰC	CP tiêu biểu:	REE, POW, QTP, NT2, PC1
--------	------------	-------------	------	----------------------	-----------	---------------------	----------	---------------	-------------------------

Tổng quan ngành	Triển vọng
- Lũy kế 4T2023, sản lượng điện tiêu thụ lũy kế giảm nhẹ so với cùng kỳ năm 2022; trong đó nhiệt điện than vẫn chiếm tỷ trọng đáng kể. - Tháng 4/2023, sản lượng điện sản xuất toàn hệ thống đạt 23,26 tỷ kWh (+4.6% svck), lũy kế 4T2023 sản lượng điện đạt 85,46 tỷ kWh (-0,2% svck), trong đó: ▪ Thủy điện: 20,42 tỷ kWh, chiếm 23,9% tổng sản lượng. ▪ Nhiệt điện than: 39,57 tỷ kWh, chiếm 46,3% tổng sản lượng. ▪ Nhiệt điện dầu khí: 9,91 tỷ kWh, chiếm 11,6% tổng sản lượng. ▪ Năng lượng gió & mặt trời: 14,1 tỷ kWh, chiếm 16,5% tổng sản lượng. ▪ Năng lượng nhập khẩu: 1,28 tỷ kWh, chiếm 1,5% tổng sản lượng. - Trong tháng 5-2023, EVN đã thực hiện điều chỉnh giá điện bán lẻ bình quân tăng 3% so với mức giá cũ lên 1.920,3732 đồng / kWh (chưa bao gồm VAT), áp dụng từ ngày 4/5/2023. Bên cạnh đó, hệ thống điện quốc gia đối mặt nhiều khó khăn khi thời tiết nắng nóng gay gắt kéo dài trên diện rộng. Cụ thể, ngày 6/5/2023 công suất tiêu thụ toàn quốc cũng đã lên tới hơn 43.300 MW và sản lượng tiêu thụ ngày này trong toàn quốc cũng đã lên tới hơn 895 triệu kWh. Dự báo trong các tháng 5, 6, 7 tiếp theo, miền Bắc bước vào cao điểm nắng nóng, phụ tải hệ thống điện quốc gia tiếp tục có xu hướng tăng và cao hơn kế hoạch vận hành hệ thống điện quốc gia đã được Bộ Công Thương phê duyệt.	- Ngành điện nói chung vẫn mang gam màu xám cùng chung bối cảnh về tương lai ảm đạm của nền kinh tế khi chỉ số PMI tháng 5 vẫn dưới mức trung bình 50, thậm chí xuống mức thấp hơn so với tháng trước, đạt 45.3. Đây là tháng thứ 6 kể từ lần đầu tiên vào tháng 11 năm ngoái chỉ số này rớt xuống dưới mức trung bình sau đại dịch COVID-19, phản ánh phần nào sự sụt giảm trong hoạt động sản xuất kinh doanh và các đơn hàng mới. Chúng tôi cho rằng điều này sẽ kéo theo sự sụt giảm về nhu cầu điện năng chung. Tuy nhiên, sản lượng tiêu thụ điện có thể vẫn tạm tăng trong những tháng nắng nóng do nhu cầu tăng cao từ việc sử dụng các thiết bị điều hòa nhiệt độ. - Ngày 15/5/2023, Quy Hoạch Điện Quốc Gia lần thứ VIII (QHĐ8) chính thức được phê duyệt. Chúng tôi cho rằng điều này sẽ mở rộng hành lang pháp lý, đặc biệt chú trọng phát triển các dự án NLTT sắp tới, cụ thể là điện gió và các dự án điện khí chạy nền thay thế điện than kết hợp cùng việc nâng cấp cơ sở hạ tầng đường dây, thích ứng với tỷ trọng cao của NLTT trong cơ cấu công suất lắp đặt.

Triển vọng ngành

Ngành:	CHĂM SÓC SỨC KHỎE	Phân ngành:	DƯỢC PHẨM	Triển vọng ngắn hạn:	TRUNG LẬP	Triển vọng dài hạn:	TRUNG LẬP	CP tiêu biểu:	DHG, IMP, DBD, DMC, TRA, MKP, PMC
--------	-------------------	-------------	-----------	----------------------	-----------	---------------------	-----------	---------------	-----------------------------------

Tổng quan ngành

- Việt Nam được xếp vào nhóm những nước có ngành dược mới nổi.
- Phần lớn các nhà sản xuất dược phẩm tại Việt Nam tham gia vào thị trường tân dược. Sản phẩm được sản xuất nhiều nhất ở các công ty này là thuốc generic (nhưng thường không phải là các thế hệ đầu tiên hoặc có giá trị cao), trong khi các thuốc bản quyền (patent) và thuốc đặc trị thường là thương hiệu nước ngoài.
- Nhập khẩu nguyên liệu và cả thuốc thành phẩm chiếm tỷ trọng quan trọng. Pháp, Ấn Độ, Đức, v.v nằm trong số những nước xuất khẩu thuốc lớn nhất vào Việt Nam trong khi nguyên vật liệu được nhập nhiều nhất từ Trung Quốc và Ấn Độ.
- Phân phối dược phẩm tại Việt Nam được thực hiện thông qua 2 kênh, gồm kênh bệnh viện (thông qua hình thức đấu thầu) và kênh nhà thuốc. Ở kênh nhà thuốc, bên cạnh các cửa hàng thuốc nhỏ lẻ truyền thống, nhiều chuỗi cửa hàng dược phẩm như An Khang, Pharmacity, Long Châu bắt đầu được mở rộng khá nhanh với mục tiêu chiếm lĩnh thị phần nhất định trên thị trường bán lẻ dược phẩm còn phân mảnh.
- WHO-GMP hiện là tiêu chuẩn sản xuất phổ biến nhất tại Việt Nam. Tuy nhiên, thuốc generic được sản xuất theo chứng chỉ cao hơn (như EU-GMP, PIC/S-GMP, v.v...) với các tiêu chuẩn kỹ thuật chặt chẽ hơn có thể giành được mức giá tốt hơn, khả năng trúng thầu cao hơn và đáp ứng các yêu cầu xuất khẩu. Số lượng cơ sở sản xuất dược phẩm tại Việt Nam đạt tiêu chuẩn EU-GMP, PIC/S-GMP hiện vẫn còn khá khiêm tốn.

Triển vọng

- COVID-19 bùng phát đem đến các tác động trái chiều cho các công ty dược. Trong khi nhu cầu về các sản phẩm thực phẩm chức năng, các sản phẩm vệ sinh cá nhân và một số loại thuốc điều trị triệu chứng do vi-rút gây ra có thể cao hơn, hoạt động kinh doanh tại kênh bệnh viện bị ảnh hưởng bất lợi do lưu lượng bệnh nhân (không phải bệnh nhân COVID-19) giảm trong các giai đoạn giãn cách xã hội và cao điểm của dịch bệnh. Tuy nhiên, lưu lượng bệnh nhân có thể trở lại sau giãn cách.
- Với bức tranh dài hạn hơn, tăng trưởng ngành có thể được hỗ trợ bởi các yếu tố như kinh tế phát triển, thu nhập tăng, dân số lớn bắt đầu có dấu hiệu già hóa cộng với các vấn đề sức khỏe phát sinh do môi trường và quá trình công nghiệp hóa. Tuy nhiên, làm thế nào để đưa ra các loại thuốc generic mới một cách nhanh chóng, gia tăng tỷ lệ thuốc có giá trị cao và nâng cao niềm tin của người tiêu dùng cũng như khả năng cạnh tranh có thể sẽ là thách thức cho các nhà sản xuất trong nước.

Trụ sở chính

Tầng 3, Tòa nhà Léman, 117 Nguyễn Đình Chiểu, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP.HCM

Tel: (+84 28) 7300 7000

Fax: (+84 28) 7300 375

Website: www.acbs.com.vn

PHÒNG PHÂN TÍCH

Giám đốc Phân tích

Tyler Cheung

(+84 28) 7300 7000 (x1040)

tyler@acbs.com.vn

Phó phòng Phân tích

Nguyễn Bình Thanh Giao

(+84 28) 7300 7000 (x1041)

giaonbt@acbs.com.vn

CVPT- Dầu khí

Phan Việt Hưng

(+84 28) 7300 7000 (x1044)

hungpv@acbs.com.vn

CVPT – Phân tích kỹ thuật

Lương Duy Phước

(+84 28) 7300 7000 (x1047)

phuocld@acbs.com.vn

Trưởng bộ phận – Bất động sản

Phạm Thái Thanh Trúc

(+84 28) 7300 7000 (x1043)

trucptt@acbs.com.vn

CVPT- Năng lượng

Phạm Đức Toàn

(+84 28) 7300 7000 (x1051)

toanpd@acbs.com.vn

NVPT – Phân tích kỹ thuật

Võ Phú Hữu

(+84 28) 7300 7000 (x1052)

huvvp@acbs.com.vn

Trưởng bộ phận – Tài chính

Cao Việt Hùng

(+84 28) 7300 7000 (x1049)

hungcv@acbs.com.vn

CVPT – Vật liệu xây dựng

Huỳnh Anh Huy

(+84 28) 7300 7000 (x1048)

huyha@acbs.com.vn

CVPT – Phái sinh, Vĩ mô

Trịnh Viết Hoàng Minh

(+84 28) 7300 7000 (x1046)

minhtvh@acbs.com.vn

Chi nhánh Hà Nội

10 Phan Chu Trinh Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: (+84 24) 3942 9395

Fax: (+84 24) 3942 9407

CVPT – Hàng tiêu dùng, Công nghệ

Lương Thị Kim Chi

(+84 28) 7300 7000 (x1042)

chilkt@acbs.com.vn

CVPT – Hàng tiêu dùng, Công nghệ

Trần Nhật Trung

(+84 28) 7300 7000 (x1045)

trungtn@acbs.com.vn

CVPT – Chiến lược, Vĩ mô

Nguyễn Thị Hòa

(+84 28) 7300 7000 (x1050)

hoant@acbs.com.vn

Nguyên Tắc Khuyến Nghị

MUA: nếu giá mục tiêu cao hơn 15% hoặc hơn (bao gồm suất sinh lợi cố tức) so với giá thị trường.

GIỮ: nếu giá mục tiêu trong khoảng -15% và 15% (bao gồm suất sinh lợi cố tức) so với giá thị trường.

BÁN: nếu tổng tỷ suất sinh lợi 12 tháng (bao gồm cổ tức) thấp hơn -15%.

Xác Nhận Của Chuyên Viên Phân Tích

Chúng tôi, các tác giả của bản báo cáo phân tích này, xác nhận rằng (1) các quan điểm được trình bày trong bản báo cáo phân tích này là của chúng tôi (2) chúng tôi không nhận được bất kỳ khoản thu nhập nào, trực tiếp hoặc gián tiếp, từ các khuyến nghị hoặc quan điểm được trình bày đó.

Công Bố Thông Tin Quan Trọng

ACBS và các tổ chức có liên quan của ACBS (sau đây gọi chung là ACBS) đã có hoặc sẽ tiến hành các giao dịch theo giấy phép kinh doanh của ACBS với các công ty được trình bày trong bản báo cáo phân tích này. Danh mục đầu tư trên tài khoản tự doanh chứng khoán của ACBS cũng có thể có chứng khoán do các công ty này phát hành. Vì vậy nhà đầu tư nên lưu ý rằng ACBS có thể có xung đột lợi ích ở bất kỳ thời điểm nào.

ACBS phát hành nhiều loại báo cáo phân tích, bao gồm nhưng không giới hạn ở phân tích cơ bản, phân tích cổ phiếu, phân tích định lượng hoặc phân tích xu hướng thị trường. Các khuyến nghị trên mỗi loại báo cáo phân tích có thể khác nhau, nguyên nhân xuất phát từ sự khác biệt về thời hạn đầu tư, phương pháp phân tích áp dụng và các nguyên nhân khác.

Tuyên Bố Miễn Trách Nhiệm

Bản báo cáo phân tích này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin, ACBS không cung cấp bất kỳ bảo đảm rõ ràng hay ngụ ý nào và không chịu trách nhiệm về sự phù hợp của các thông tin chứa đựng trong báo cáo cho một mục đích sử dụng cụ thể. ACBS sẽ không xem những người nhận báo cáo, không nhận trực tiếp từ ACBS, là khách hàng của ACBS. Giá chứng khoán được trình bày trong kết luận của báo cáo (nếu có) chỉ mang tính tham khảo. **ACBS không đề nghị hoặc khuyến khích nhà đầu tư tiến hành mua hoặc bán bất kỳ chứng khoán nào dựa trên báo cáo này.** ACBS, các tổ chức liên quan của ACBS, ban quản lý, đối tác hoặc nhân viên của ACBS sẽ không chịu trách nhiệm cho bất kỳ (a) các thiệt hại trực tiếp, gián tiếp; hoặc (b) các khoản tổn thất do mất lợi nhuận, doanh thu, cơ hội kinh doanh hoặc các khoản tổn thất khác, kể cả khi ACBS đã được thông báo về khả năng xảy ra thiệt hại hoặc tổn thất đó, phát sinh từ việc sử dụng bản báo cáo phân tích này hoặc thông tin trong đó. Ngoài các thông tin liên quan đến ACBS, các thông tin khác trong bản báo cáo này được thu thập từ các nguồn mà ACBS cho rằng đáng tin cậy, tuy nhiên ACBS không bảo đảm tính đầy đủ và chính xác của các thông tin đó. Các quan điểm trong báo cáo có thể bị thay đổi bất kỳ lúc nào và ACBS không có nghĩa vụ cập nhật các thông tin và quan điểm đã bị thay đổi do cho nhà đầu tư đã nhận báo cáo này.

Bản báo cáo có chứa đựng các giả định, quan điểm của chuyên viên phân tích, tác giả của báo cáo, ACBS không chịu trách nhiệm cho bất kỳ sai sót nào của họ phát sinh trong quá trình lập báo cáo, đưa ra các giả định, quan điểm. Trong tương lai, ACBS có thể sẽ phát hành các bản báo cáo có thông tin mâu thuẫn hoặc thậm chí có nội dung kết luận đi ngược lại hoàn toàn với bản báo cáo này. Các khuyến nghị trong bản báo cáo này hoàn toàn là của riêng chuyên viên phân tích, các khuyến nghị đó không được đưa ra dựa trên các lợi ích của bất kỳ cá nhân tổ chức nào, kể cả lợi ích của ACBS. Bản báo cáo này không nhằm đưa ra các lời khuyên đầu tư cụ thể, cũng như không xem xét đến tình hình và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư nào, những người nhận bản báo cáo này. Vì vậy các chứng khoán được trình bày trong bản báo cáo có thể không phù hợp với nhà đầu tư. ACBS khuyến nghị rằng nhà đầu tư nên tự thực hiện đánh giá độc lập và tham khảo thêm ý kiến chuyên gia khi tiến hành đầu tư. Giá trị và thu nhập đem lại từ các khoản đầu tư có thể thay đổi hàng ngày tùy theo thay đổi của nền kinh tế và thị trường chứng khoán. Các kết luận trong báo cáo không nhằm đoán định về do đó nó có thể khác xa so với thực tế, kết quả đầu tư của quá khứ không bảo đảm cho kết quả đầu tư của tương lai.

Bản báo cáo này có thể không được phát hành rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng hay được sử dụng, trích dẫn bởi các phương tiện thông tin đại chúng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của ACBS. Việc sử dụng không có sự đồng ý của ACBS sẽ bị xem là bất hợp pháp và cá nhân, tổ chức vi phạm có nghĩa vụ bồi thường mọi thiệt hại, tổn thất (nếu có) đã gây ra cho ACBS từ sự vi phạm đó.

Trong trường hợp quốc gia của nhà đầu tư nghiêm cấm việc phân phối hoặc nhận các báo cáo phân tích như thể này thì nhà đầu tư cần hủy bản báo cáo này ngay lập tức, nếu không nhà đầu tư sẽ hoàn toàn tự chịu trách nhiệm.

ACBS không cung cấp dịch vụ tư vấn thuế và không nội dung nào trong bản báo cáo này được xem như có nội dung tư vấn thuế. Do đó khi liên quan đến vấn đề thuế, nhà đầu tư cần tham khảo ý kiến của chuyên gia dựa trên tình hình và điều kiện tài chính cụ thể của nhà đầu tư.

Bản báo cáo này có thể chứa đựng các đường dẫn đến trang web của bên thứ ba, ACBS không chịu trách nhiệm đối với nội dung trên các trang web này. Việc đưa đường dẫn chỉ nhằm mục đích tạo sự thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc tra cứu thông tin; do đó nhà đầu tư hoàn toàn chịu các rủi ro khi truy cập các trang web này.

© Copyright ACBS (2023). Mọi quyền sở hữu trí tuệ và quyền tác giả là của ACBS và/hoặc chuyên viên phân tích, Bản báo cáo phân tích này không được phép sao chép, toàn bộ hoặc một phần, khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của ACBS.